



**Đối tượng, nhiệm vụ và phương  
pháp nghiên cứu môn “Đường Lối  
Cách Mạng Của Đảng Cộng Sản Việt  
Nam”**



## Contents

Contents.....	2
Chương mở đầu.....	4
I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu:.....	5
1. Đối tượng nghiên cứu.....	5
2. Nhiệm vụ nghiên cứu:.....	7
II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học:.....	8
1. Phương pháp nghiên cứu:.....	8
2. ý nghĩa của việc học tập môn học.....	9
Chương I.....	10
1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng công sản Việt Nam. ....	10
2. Hoàn cảnh trong nước.....	13
II. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.....	29
1. Hội nghị thành lập Đảng.....	29
2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.....	31
3. ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng công sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.....	33
Chương II.....	34
i. chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1945. . .	34
1. Trong những năm 1930-1935.....	34
2. Trong những năm 1936 - 1939.....	40
II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945. .	46
1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng.....	46
2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.....	50
Chương III: .....	59
I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954). . .	60
1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946).....	60
2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 - 1954).....	65
3. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.....	77



1. <u>Quả trởnh hỡnh thnh đường lối mới hê thốg chớnh tri.....</u>	<u>146</u>
3. <u>Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhõn.....</u>	<u>153</u>
<u>Chương VII.....</u>	<u>157</u>
<u>ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI.....</u>	<u>157</u>
<u>I. QUÁ TRÌNH NHÂN THỨC VÀ NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ.....</u>	<u>157</u>
<u>1. Thời kỳ trước đổi mới.....</u>	<u>157</u>
<u>2. Trong thời kỳ đổi mới.....</u>	<u>161</u>
<u>II. QUÁ TRÌNH NHÂN THỨC VÀ CHỦ TRƯỞNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI.....</u>	<u>166</u>
<u>1. Thời kỳ trước đổi mới.....</u>	<u>166</u>
<u>2. Trong thời kỳ đổi mới.....</u>	<u>168</u>
<u>Chương VIII.....</u>	<u>174</u>
<u>đường lối đối ngoại.....</u>	<u>174</u>
<u>I. đường lối đối ngoại thời kì trước đổi mới (1975 - 1985).....</u>	<u>174</u>
<u>1. Hoàn cảnh lịch sử.....</u>	<u>174</u>
<u>2. Chủ trương đối ngoại của Đảng.....</u>	<u>175</u>
<u>3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhõn.....</u>	<u>177</u>
<u>II. đường lối ngoại giao, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.....</u>	<u>180</u>
<u>1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối.....</u>	<u>180</u>
<u>2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.....</u>	<u>188</u>
<u>3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhõn.....</u>	<u>192</u>

## **Chương mở đầu**

**Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn**

**Đường Lối Cách Mạng Của Đảng**

**Cộng Sản Việt Nam**

# I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu:

## 1. Đối tượng nghiên cứu

### a. Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập ngày 3-2-1930. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động; lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, vấn đề cơ bản trước hết là đề ra đường lối cách mạng. Hoạch định đường lối là công việc quan trọng hàng đầu của chính đảng.

*Đường lối cách mạng của Đảng là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam. Đường lối cách mạng của Đảng được thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị...*

Đường lối cách mạng của Đảng chỉ có giá trị chỉ đạo thực tiễn khi nắm bắt đúng quy luật vận động khách quan. Vì vậy trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng, Đảng phải thường xuyên chủ động nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để kịp thời điều chỉnh, phát triển đường lối, thậm chí nếu thấy đường lối không còn phù hợp với sự vận động của thực tiễn thì phải thay đổi.

Để hoạch định đường lối cách mạng đúng đắn Đảng phải nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bám sát thực tiễn vận động của đất nước và thời đại, tìm tòi nghiên cứu để nắm bắt những quy luật khách quan, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều, chủ quan, duy ý chí.

b. Đối tượng nghiên cứu môn học:

Môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam nghiên cứu sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và đường lối do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Do đó, *đối tượng của môn học là sự ra đời của Đảng và hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam- từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.*

Môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam có mối quan hệ mật thiết với môn những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-lênin. Vì đường lối của Đảng là sự kết hợp chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Do đó, năm vững hai môn học này sẽ trang bị cho sinh viên cơ sở khoa học và phương pháp luận khoa học để nhận thức đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng một cách sâu sắc và hoàn thiện hơn.

## **2. Nhiệm vụ nghiên cứu:**

*Một là, làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam-chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.*

*Hai là, làm rõ quá trình hình thành và phát triển đường lối cách mạng của Đảng từ năm 1930 đến nay. Trong đó đặc biệt làm rõ đường lối trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới.*

*Yêu cầu đặt ra đối với việc dạy và học môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.*

Đối với người dạy: phải nghiên cứu đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong toàn bộ tiến trình lãnh đạo cách mạng, bảo đảm phải làm rõ hoàn cảnh lịch sử ra đời và sự bổ sung, phát triển các quan điểm, chủ trương của Đảng

Đặng Thu Hương -

thể hiện trong nghị quyết. Gắn lý luận với thực tiễn trong quá trình giảng dạy.

Đối với người học: phải nắm vững nội dung cơ bản đường lối của Đảng, để từ đó lý giải những vấn đề thực tiễn và vận dụng được quan điểm của Đảng vào cuộc sống.

## **II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học:**

### **1. Phương pháp nghiên cứu:**

#### **a. Cơ sở phương pháp luận.**

Nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam phải dựa trên thế giới quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-lênin, các quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng.

#### **b. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, ngoài phương pháp luận chung đã nêu trên, đối với mỗi nội dung cụ thể cần phải vận dụng một phương pháp nghiên cứu phù hợp. Trong đó, sử dụng phương pháp lịch sử (nghiên cứu sự vật và hiện tượng theo trình tự thời gian, theo quá trình diễn biến đi từ phát sinh, phát triển đến kết quả của nó) và phương pháp logic (nghiên cứu một cách tổng quát nhằm tìm ra bản chất của sự vật,



Đặng Thu Hương -

hiện tượng và khái quát thành lý luận) là hết sức quan trọng trong nghiên cứu đường lối cách mạng của Đảng. Ngoài ra, còn có thể sử dụng các phương pháp khác như phân tích, tổng hợp, so sánh, quy nạp và diễn dịch cụ thể hoá, trừu tượng hoá... thích hợp với từng nội dung của môn học.

## **2. ý nghĩa của việc học tập môn học.**

Môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng, về quan điểm, đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới.

Học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và Đường lối của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

## **Chương I**

### **Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.**

#### **1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam.**

*a. Sự chuyển tiến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó.*

Từ cuối thế kỷ thứ XIX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn quốc tế chủ nghĩa. Các nước tư bản đế quốc, bên trong thì tăng cường bóc lột nhân dân lao động, bên ngoài thì xâm lược và áp bức nhân dân các dân tộc thuộc địa. Sự thống trị tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc làm cho đời sống nhân dân lao động các nước trở nên cùng cực. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt, phong trào đấu tranh chống xâm lược diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

*b. Chủ nghĩa Mác-lênin.*

Vào giữa thế kỷ XIX, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân phát triển mạnh mẽ, đặt ra yêu cầu bức thiết phải có hệ thống lý luận khoa học với tư cách là vũ khí tư tưởng lý luận của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Trong bối cảnh đó, chủ nghĩa Mác ra đời, về sau được Lê nin phát triển và trở thành chủ nghĩa Mác-lênin.

Kể từ khi chủ nghĩa Mác-lênin được truyền bá vào Việt Nam, phong trào yêu nước và phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ theo khuynh hướng cách mạng vô sản, dẫn tới sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, đáp ứng đúng hoàn cảnh và nhu cầu của cách mạng nước ta, từ đó sáng lập ra Đảng cộng sản Việt Nam. Chủ nghĩa Mác-lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam.

### ***c. Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản.***

Năm 1917, cuộc cách mạng Tháng Mười Nga giành được thắng lợi. Nhà nước Xô Viết dựa trên nền tảng liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng Bônsovic Nga ra đời. Với thắng lợi của cách mạng tháng Mười, chủ nghĩa Mác-lênin từ lý luận đã trở thành hiện thực, đồng thời mở đầu một thời đại mới "Thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc"<sup>1</sup>. Cuộc cách mạng này cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân các nước và là một trong những động lực thúc đẩy sự ra đời nhiều Đảng Cộng sản : Đảng Cộng sản Đức, Đảng Cộng sản Hunggari (1918), Đảng Cộng sản Mỹ (1919), Đảng Cộng sản Anh, Đảng Cộng sản Pháp (năm

Đặng Thu Hương -

1920), Đảng Cộng sản Trung quốc và Đảng Cộng sản Mông cổ (1921), Đảng Cộng sản Nhật bản (1922)....

Đối với các dân tộc và thuộc địa, cách mạng Tháng Mười đã nêu tấm gương sáng trong việc giải phóng các dân tộc bị áp bức. Về ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười, Nguyễn ái Quốc khẳng định: Cách mạng tháng mười như tiếng sét đã đánh thức nhân dân châu á tỉnh giấc mê hàng thế kỷ nay. Và "Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có Đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lenin"<sup>iii</sup>.

Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng Sản (Quốc tế III) được thành lập. Sự ra đời của Quốc tế Cộng Sản có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lenin được công bố tại Đại hội II Quốc tế Cộng Sản vào năm 1920 đã chỉ ra phương hướng đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa, mở ra con đường giải phóng các dân tộc bị áp bức trên lập trường cách mạng vô sản,

Đối với Việt Nam, Quốc tế Cộng Sản có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác-lênin và thành lập

Đặng Thu Hương -

Đảng cộng sản Việt Nam Nguyễn ái Quốc không những đánh giá cao sự kiện ra đời Quốc tế Cộng Sản đối với phong trào cách mạng thế giới, mà còn nhấn mạnh vai trò của tổ chức này đối với cách mạng Việt Nam "An nam muốn làm cách mệnh thành công thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế"

## **2. Hoàn cảnh trong nước.**

*a. Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân pháp  
Chính sách cai trị của thực dân pháp.*

*Về chính trị:* thực dân Pháp tước bỏ quyền lực đối nội và đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn; chi Việt Nam ra thành 3 xứ: Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ và thực hiện ở mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng. Đồng thời với chính sách nham hiểm này, thực dân Pháp tiến hành hợp tác với giai cấp địa chủ trong việc bóc lột kinh tế và áp bức chính trị đối với nhân dân ta.

*Về Kinh tế:* thực dân Pháp tiến hành cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền; đầu tư vốn khai thác tài nguyên (mỏ than, mỏ thiếc, mỏ kẽm...); xây dựng một số cơ sở công nghiệp (điện, nước); xây dựng hệ thống đường bộ, đường thủy, bến cảng phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa của nước Pháp. Chính sách khai thác thuộc địa của Thực dân

Đặng Thu Hương -

Pháp dẫn đến hậu quả là nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc vào tư bản Pháp, bị kìm hãm trong vòng lạc hậu.

Về văn hoá Thực dân Pháp thực hiện chính sách văn hoá giáo dục thực dân, dung túng, duy trì các hủ tục lạc hậu.... Nguyễn ái Quốc đã vạch rõ tội ác của chế độ cai trị thực dân ở Đông Dương: "Chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thâm... bằng thuốc phiện, bằng rượu... chúng tôi phải sống trong hoàn cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi không có quyền tự do độc lập"<sup>iii</sup>.

***Tình hình giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam:***

+*Giai cấp địa chủ Việt Nam:* Giai cấp địa chủ chiếm khoảng 7% cư dân nông thôn nhưng đã nắm bắt trong tay 50% diện tích ruộng đất. Sự mâu thuẫn giữa giai cấp địa chủ với thực dân pháp. Tuy nhiên, trong nội bộ địa chủ Việt Nam lúc này có sự phân hoá, một bộ phận địa chủ có lòng yêu nước, căm ghét chế độ thực dân đã tham gia đấu tranh chống Pháp dưới các hình thức khác nhau.

+*Giai cấp nông dân:* Là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam ( chiếm khoảng 90% dân số), Giai cấp nông dân phải chịu hai tầng áp bức, bóc lột của thực dân và phong kiến. Tình cảnh khốn khổ, bần cùng của Giai cấp

Đặng Thu Hương -

nông dân Việt Nam đã làm tăng thêm lòng căm thù đế quốc và phong kiến tay sai, làm tăng thêm ý chí cách mạng của họ trong cuộc đấu tranh giành lại ruộng đất và quyền sống tự do.

*Giai cấp công nhân Việt Nam:* Ra đời từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, Giai cấp công nhân tập trung nhiều ở các thành phố và vùng mỏ như: Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng, Nam Định, Vinh, Quảng Ninh

Đa số công nhân Việt Nam, trực tiếp xuất thân từ gia cấp nông dân, nạn nhân của chính sách chiếm đoạt ruộng đất mà Thực dân Pháp thi hành ở Việt Nam. Vì vậy, Giai cấp công nhân Việt Nam "ra đời trước Giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam, và vừa lớn lên nó đã sớm tiếp thụ ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác-lênin, nhanh chóng trở thành một lực lượng chính trị tự giác, thống nhất Bắc Trung Nam..,"<sup>iv</sup>

*Giai cấp tư sản Việt Nam:* Bao gồm tư sản công nghiệp, tư sản thương nghiệp, tư sản nông nghiệp. Trong giai cấp tư sản có một bộ phận kiêm địa chủ.

Ngay từ khi ra đời, giai cấp tư sản Việt Nam đã bị tư sản Pháp và tư sản người Hoa cạnh tranh, chèn ép, do đó, thế lực kinh tế và địa vị chính trị của giai cấp tư sản Việt Nam nhỏ bé và yếu ớt. Vì vậy, giai cấp tư sản Việt Nam không

Đặng Thu Hương -

đủ điều kiện để lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ đ đến thành công .

*Tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam:* Bao gồm học sinh, trí thức, thợ thủ công viên chức và những người làm nghề tự do.... Trong đó, giới trí thức và học sinh là bộ phận quan trọng của tầng lớp tiểu tư sản. Đời sống của tiểu tư sản Việt Nam bấp bênh và dễ bị phá sản trở thành những người vô sản. tiểu tư sản Việt Nam có lòng yêu nước, căm thù đế quốc, thực dân, lại chịu ảnh hưởng của những tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài truyền vào vì vậy đây là lực lượng có tinh thần cách mạng cao. Đồng thời "Họ tỏ ra thức thời và rất nhạy cảm với thời cuộc. Được phong trào cách mạng rần rộ của công nông thức tỉnh và cổ vũ, họ bước vào hàng ngũ cách mạng ngày càng đông và đóng góp một vai trò quan trọng trong phong trào đấu tranh của nhân dân, nhất là ở thành thị" ..<sup>v</sup>

*Tóm lại,* chính sách thống trị của thực dân Pháp đã tác động mạnh mẽ đến xã hội Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội. Trong đó đặc biệt là sự ra đời hai giai cấp mới là công nhân và tư sản Việt Nam. Các giai cấp, tầng lớp trong xã hội nước ta lúc này đều mang thân phận người dân mất nước, và ở những mức độ khác nhau, đều bị d p áp bức bóc lột. Vì vậy, trong xã hội Việt Nam,



Đặng Thu Hương -

ngoài *mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến*, đã nảy sinh mâu thuẫn vừa cơ bản, vừa chủ yếu và ngày càng gắt gao trong đời sống dân tộc, đó là: *mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược*. Tính chất của xã hội Việt Nam là *xã hội thuộc địa, nửa phong kiến*. Thực tiễn lịch sử Việt Nam đặt ra hai yêu cầu: *Một là, phải đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân; Hai là, xoá bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho nhân dân, chủ yếu là ruộng đất cho nông dân*. Trong đó *chống đế quốc, giải phóng dân tộc* là nhiệm vụ hàng đầu.

***b. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX***

-*Phong trào Cần Vương (1885-1896)*: Ngày 13-7-1885, vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương. Phong trào Cần Vương phát triển mạnh ra nhiều đại phương ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Ngày 1-11-1885, vua Hàm Nghi bị Pháp bắt, nhưng phong trào Cần Vương vẫn tiếp tục phát triển cho đến năm 1896 mới kết thúc.

-*Cuộc Khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913)* (Bắc giang), diễn ra từ năm 1884. Nghĩa quân Yên Thế đã đánh thắng Pháp nhiều trận và gây cho chúng nhiều khó khăn, thiệt hại.

Đặng Thu Hương -

Cuộc chiến đấu của nghĩa quân Yên Thế kéo dài đến năm 1913 thì bị dập tắt.

Trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918), các cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp của người Việt Nam vẫn tiếp diễn, nhưng đều không thành công.

Thất bại của các phong trào trên đã chứng tỏ hệ tư tưởng phong kiến không đủ điều kiện để lãnh đạo phong trào yêu nước giải quyết thành công nhiệm vụ dân tộc ở Việt Nam.

-Đại diện của xu hướng *bạo động* là Phan Bội Châu, với chủ trương dùng biện pháp bạo động để đánh đuổi thực dân Pháp khôi phục nền độc lập cho dân tộc.

Sự nghiệp cách mạng của Phan Bội Châu trải qua nhiều bước thăng trầm, đi từ lập trường quân chủ lập hiến đến lập trường dân chủ tư sản, nhưng đều thất bại. Vào nửa đầu thập kỷ 20, thế kỷ XX. Phan Bội Châu chịu ảnh hưởng của cách mạng Tháng Mười Nga "Ông có cảm tình với nước Nga Xô viết, chủ nghĩa xã hội và có ý đặt hy vọng vào Nguyễn ái Quốc". Nguyễn ái Quốc đánh giá "Phan Bội Châu là tiêu biểu cho chủ nghĩa quốc gia"

Đại biểu cho xu hướng *cải cách* là Phan Châu Trinh, với chủ trương vận động cải cách văn hoá, xã hội; động viên lòng yêu nước trong nhân dân; đả kích bọn vua quan phong

Đặng Thu Hương -

kiến thối nát, đề xướng tư tưởng dân chủ tư sản; thực hiện khai dân trí, chấn dân ký, hậu dân sinh, mở mang dân quyền; phản đối đấu tranh vũ trang và cầu viện nước ngoài.

Ngoài ra, trong thời kỳ này Việt Nam còn có nhiều phong trào đấu tranh khác như: Phong trào Đông kinh nghĩa thực (1907); Phong trào "tẩy chay khách trú" (1919); Phong trào chống độc quyền xuất nhập khẩu ở cảng Sài Gòn (1923); đấu tranh trong các hội đồng quản hạt, hội đồng thành phố... đòi cải cách tự do dân chủ..

Từ trong phong trào đấu tranh, các tổ chức đảng phái ra đời: *Đảng lập hiến* (năm 1923); *Đảng Thanh niên* (tháng 3-1926); *Đảng thanh niên cao vọng* (năm 1926); *Việt Nam nghĩa đoàn* (năm 1925), sau nhiều lần đổi tên, tháng 7-1928 lấy tên là *Tân việt cách mạng Đảng*; *Việt Nam quốc dân Đảng* ( tháng 12-1927). Các đảng phái chính trị tư sản và tiểu tư sản trên đây đã góp phần thúc đẩy phong trào yêu nước chống Pháp, đặc biệt là *Tân Việt cách mạng Đảng* và *Việt Nam quốc dân Đảng*.

*Tân Việt cách mạng Đảng* ra đời và hoạt động trong bối cảnh Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát triển mạnh, đã tác động mạnh mẽ đến Đảng này. Trong nội bộ Đảng diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng: tư tưởng cách mạng vs và tư tưởng cải lương. Cuối cùng khuynh

Đặng Thu Hương -

hướng cách mạng theo quan điểm vô sản dân thẳng thẽ. Một số đảng viên tiên tiến còn lại trong Tân Việt tích cực chuẩn bị để tiến tới thành lập một chính đảng theo chủ nghĩa Mác-lênin.

*Việt Nam quốc dân Đảng* là một Đảng chính trị theo xu hướng dân chủ tư sản. Điều lệ Đảng ghi mục tiêu hoạt động là: Trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng; đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập nền dân quyền. Sau vụ ám sát Ba Danh, trùm một phu đồn điền cao su của Pháp (2-1929), Đảng bị khủng bố dữ dội, tổ chức Đảng bị vỡ ở nhiều nơi. Trước tình thế nguy cấp, lãnh đạo Việt Nam quốc dân Đảng đã quyết định dốc hết lực lượng vào trận sóng mái với kẻ thù. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam quốc dân Đảng bắt đầu từ đêm 9-2-1930 ở Yên Bái, Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình.... trong tình thế hoàn toàn bị động nên đã bị thực dân Pháp nhanh chóng dập tắt.

→ Mặc dù thất bại, nhưng sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX có ý nghĩa rất quan trọng. Nó là sự tiếp nối truyền thống yêu nước, kiên cường bất khuất vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam và chính sự phát triển của phong trào yêu nước đã tạo cơ sở xã hội thuận lợi cho việc tiếp nhận chủ nghĩa Mác-lênin, quan điểm cách mạng Hồ Chí Minh vào Việt

Đặng Thu Hương -

Nam; phong trào yêu nước thành một trong ba nhân tố cấu thành Đảng cộng sản Việt Nam.

→ Sự thất bại của các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp đã chứng tỏ con đường cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng tư sản đã bế tắc. Cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối, về giai cấp lãnh đạo. Nhiệm vụ lịch sử đặt ra là phải tìm một con đường cách mạng mới, với một giai cấp có đủ tư cách đại biểu cho quyền lợi của dân tộc, của nhân dân, có đủ uy tín và năng lực để lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ đi đến thành công.

### ***c. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản***

*\*Nguyễn ái Quốc chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam .*

- Năm 1911, Nguyễn Tất Thành (Nguyễn ái Quốc ) ra đi tìm đường cứu nước. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Người đã tìm hiểu kỹ các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới. Người đánh giá cao tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và quyền con người của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như Cách mạng Mỹ (1779), cách mạng Pháp (1789)... nhưng cũng nhận thức rõ những hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản, từ đó, Người khẳng định con đường cách

Đặng Thu Hương -

mạng tư sản không thể đưa lại độc lập và hạnh phúc thực sự cho nhân dân các nước nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng.

-Nguyễn ái Quốc đặc biệt quan tâm tìm hiểu cuộc cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, Người rút ra kết luận: "Trong thế giới bây giờ chỉ có Cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật"<sup>vi</sup>

-Tháng 7-1920, Nguyễn ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đăng trên báo nhân đạo, Người tìm thấy Luận cương của Lênin lời giải đáp về con đường giải phóng cho nhân dân Việt Nam; về vấn đề thuộc địa trong mối quan hệ với phong trào cách mạng thế giới.... Nguyễn ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác-lênin.

-Tháng 12-1920 tại Đại hội xã hội Pháp Nguyễn ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người - từ người yêu nước trở thành người cộng sản và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"

.-Nguyễn Ái Quốc viết bài cho báo *Người cùng khổ*, *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân* và xuất bản các tác phẩm này đã vạch rõ âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc che giấu tội ác dưới cái vỏ bọc "Khai hoá văn minh", từ đó khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, thức tỉnh tinh thần dân tộc nhằm đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.

-Tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 6-1925 Người thành lập *Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên*. Chương trình và Điều lệ của Hội nêu rõ mục đích là: Làm cách mạng dân tộc và cách mạng thế giới. Sau khi cách mạng thành công, Hội chủ trương thành lập Chính Phủ nhân dân; mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân; tiến lên xây dựng xã hội Cộng sản chủ nghĩa; Thực hiện đoàn kết với giai cấp vô sản các nước, với phong trào cách mạng thế giới:

+Từ năm 1925 đến năm 1927 *Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên* đã mở các lớp huấn luyện chính trị cho 75 cán bộ cách mạng Việt Nam. Hội đã xây dựng được nhiều cơ sở ở các trung tâm kinh tế, chính trị trong nước. Năm 1928, Hội thực hiện chủ trương "Vô sản hoá", đưa hội viên vào nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để rèn luyện lập trường, quan điểm giai cấp công nhân; để truyền bá chủ nghĩa Mác-lênin vào đường lối cách mạng Việt Nam. Phong trào "vô sản hoá" đã

Đặng Thu Hương -

có tác dụng thực tiễn hết sức to lớn. từ phong trào này, số hội viên của Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên ngày càng tăng lên, từ 300 hội viên năm 1928, đến tháng 5- 1929 tăng lên 1700 hội viên.

+Ngoài việc trực tiếp huấn luyện cán bộ của Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên, Nguyễn ái Quốc còn lựa chọn những thanh niên Việt Nam ưu tú gửi đi học tại trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) và trường lục quân Hoàng Phố (Trung Quốc) nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam.

-Cùng với việc đào tạo cán bộ, Nguyễn ái Quốc đã tổ chức xuất bản báo *Thanh niên*, báo *Công nông*, báo *Lính cách mệnh*, báo *Tiền phong* nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác-lênin vào Việt Nam. Quan điểm cách mạng của Nguyễn ái Quốc đã thức tỉnh và giác ngộ quần chúng, thúc đẩy phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân phát triển theo con đường cách mạng vô sản.

-Năm 1927, Bộ tuyên truyền của *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức* xuất bản tác phẩm *Đường cách mệnh* (tập hợp các bài giảng của Nguyễn ái Quốc ở lớp huấn luyện chính trị của Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên);

*Đường cách mệnh* chỉ rõ tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc mở đường



Đặng Thu Hương -

tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hai cuộc cách mạng này có quan hệ mật thiết với nhau; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng "là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc một hai người" do đó phải đoàn kết toàn dân. Nhưng cái cốt của nó là công - nông và phải luôn ghi nhớ rằng công nông là người chủ cách mệnh, công nông là gốc cách mệnh"<sup>vii</sup>

+Về vấn đề đoàn kết quốc tế của cách mạng Việt Nam, Nguyễn ái Quốc xác định: "Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An nam cả"<sup>viii</sup>

+Về phương pháp cách mạng, Người nhấn mạnh đến việc phải giác ngộ và tổ chức quần chúng cách mạng, phải làm cho quần chúng hiểu rõ mục đích cách mạng, biết đồng tâm hiệp lực để đánh đổ giai cấp áp bức giai cấp áp bức mình, làm cách mạng phải biết cách làm, phải có "mưu chước", có như thế mới bảo đảm thành công cho cuộc khởi nghĩa với sự nổi dậy của toàn dân....

*\*Sự phát triển phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản.*

- Trong những năm 1919-1925, phong trào công nhân diễn ra dưới các hình thức đình công, bãi công, tiêu biểu như các cuộc bãi công của công nhân Ba Son (Sài Gòn) do Tôn

Đặng Thu Hương -

Đức Thắng tổ chức (1925) và cuộc bãi công của 2.500 công nhân nhà máy sợi Nam Định ngày 30 tháng 4 năm 1925, đòi chủ tư bản phải tăng lương, phải bỏ đánh đập, giã đũa thọt.....

-Trong những năm 1926-1929, phong trào công nhân được sự lãnh đạo của các tổ chức như Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên, Công hội đỏ và các tổ chức cộng sản ra đời từ năm 1929. Ở giai đoạn này nhiều cuộc bãi công của công nhân diễn ra: từ năm 1928 đến năm 1929, có khoảng 40 cuộc đấu tranh của công nhân diễn ra trong toàn quốc; trong năm 1930 có tới 98 cuộc đấu tranh (với số người tham gia từ 350 người lên 31.680 người).

→ Các cuộc đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm 1926-1929 mang tính chất chính trị rõ rệt. Mỗi cuộc đấu tranh đã có sự liên kết giữa các nhà máy, các ngành và các địa phương. Phong trào công nhân có sức lôi cuốn phong trào dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

-Phong trào yêu nước cũng phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào nông dân diễn ra ở nhiều nơi trong cả nước "Dân cày cũng đã tỉnh dậy, chống đế quốc và địa chủ rất kịch liệt". Năm 1927, nông dân làng Ninh Thanh Lợi (Rạch Giá) đấu tranh chống bọn thực dân và địa chủ chiếm đất, nông dân đấu tranh chống bọn địa chủ cướp đất, đòi chia

Đặng Thu Hương -

ruộng công... Phong trào nông dân và công nhân đã hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống thực dân, phong kiến.

*\*Sự ra đời các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam*

-Trước sự phong trào của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, cuối tháng 3-1929, ở Hà Nội, một số hội viên tiên tiến của tổ chức thanh niên ở Bắc Kỳ đã lập ra Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam, do đồng chí Trần Văn Cung làm Bí thư Chi Bộ.

-Tại Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên (5-1929) đã xảy ra bất đồng giữa các đoàn đại biểu về vấn đề thành lập Đảng cộng sản, mà thực chất là sự khác nhau giữa những đại biểu muốn thành lập ngay một Đảng cộng sản và giải thể tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên, với những đại biểu cũng muốn thành lập Đảng cộng sản. Trong bối cảnh đó các tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời .

*+Đông Dương Cộng Sản Đảng*

Ngày 17-6-1929, tại Hà Nội, đại biểu các tổ chức Cộng sản ở miền Bắc họp Đại Hội quyết định thành lập *Đông Dương Cộng Sản Đảng*. Tuyên ngôn của Đảng nêu rõ: Đảng cộng sản Đông Dương tổ chức đại đa số và thực hành công nông liên hiệp mục đích để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa; đánh đổ tư bản chủ nghĩa; diệt trừ chế độ phong kiến; giải

Đặng Thu Hương -

phóng công nông; thực hiện xã hội thực sự bình đẳng, tự do, bác ái, tức là xã hội cộng sản. Ngoài ra tổ chức này còn quyết định xuất bản báo Búa Liềm và cử ra Ban Chấp Hành Trung ương lâm thời của Đảng.

#### *+An Nam Cộng Sản Đảng*

Trước sự ra đời của Đông Dương Cộng Sản Đảng và để đáp ứng yêu cầu của phong trào cách mạng, mùa thu năm 1929, các đồng chí trong Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên hoạt động ở Trung Quốc và Nam Kỳ đã thành lập *An Nam Cộng Sản Đảng*(t7-1929). Về điều kiện kết nạp đảng viên, Điều lệ của Đảng viết: "Ai tin theo chương trình của Quốc tế cộng sản, hăng hái phấn đấu trong một bộ phận Đảng, phục vụ mệnh lệnh Đảng và góp nguyệt phí, có thể cho vào Đảng được"<sup>ix</sup>.

#### *+Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn*

Việc ra đời của Đảng và An Nam Cộng Sản Đảng đã làm cho nội bộ Đảng Tân Việt phân hoá mạnh mẽ, những đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã thành lập *Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn* (t9-1929).

→ Mặc dù đều giương cao ngọn cờ chống đế quốc, phong kiến, xây dựng chủ nghĩa Cộng sản ở Việt Nam, nhưng ba tổ chức cộng sản trên đây hoạt động phân tán, chia rẽ đã ảnh hưởng xấu đến phong trào cách mạng ở Việt Nam

Đặng Thu Hương -

lúc này. Vì vậy, việc khắc phục sự chia rẽ, phân tán là nhiệm vụ cấp bách trước mắt của tất cả những người cộng sản Việt Nam.

## **II. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.**

### **1. Hội nghị thành lập Đảng.**

-Ngày 27-10-1929, Quốc tế cộng sản gửi những người cộng sản Đông Dương tài liệu *Về việc thành lập một Đảng chính sách ở Đông Dương*, yêu cầu những người cộng sản Đông Dương phải khắc phục ngay sự chia rẽ giữa các nhóm cộng sản và thành lập một Đảng của giai cấp vô sản. Quốc tế cs chỉ rõ phương thức để tiến tới thành lập Đảng là phải bắt đầu từ việc xây dựng các chi bộ trong các nhà máy, xí nghiệp; chỉ rõ mối quan hệ giữa Đảng chính sách Đông Dương với phong trào cộng sản quốc tế.

-Nhận được tin về sự chia rẽ của những người chính sách ở Đông Dương, Nguyễn ái Quốc rời Xiêm đến Trung Quốc. Người chủ trì Hội nghị hợp nhất Đảng (họp tại Hương Cảng, Trung Quốc) Thanh phần Hội nghị hợp nhất gồm: một đại biểu của Quốc tế Cộng sản; hai đại biểu của Đông Dương Cộng Sản Đảng; hai đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng<sup>x</sup>. Hội nghị thảo luận đề nghị của Nguyễn ái Quốc gồm *Năm điểm lớn* với nội dung:

"1. Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản ở Đông Dương

2. Định tên Đảng là Đảng cộng sản Việt Nam

3. Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược của Đảng

4. Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước

5. Cử một Ban Trung ương lâm thời gồm 9 người, trong đó có hai đại biểu chi bộ cộng sản Trung Quốc ở Đông Dương"<sup>xi</sup>

-Hội nghị nhất trí với *Năm điểm lớn* theo đề nghị của Nguyễn ái Quốc và quyết định hợp nhất các tổ chức cộng sản, lấy tên là *Đảng cộng sản Việt Nam* .

-Hội nghị thảo luận và thông qua các văn kiện: Chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, Chương TrưỜngtrình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt của Đảng cộng sản Việt Nam

-Hội nghị quyết định phương châm, kế hoạch thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước, quyết định ra báo, tạp chí của Đảng cộng sản Việt Nam.

Ngày 24-2-1930, theo yêu cầu của *Đông Dương Cộng Sản Liên đoàn*, Ban chấp hành Trung ương lâm thời họp và ra Nghị quyết *chấp nhận Đông Dương Cộng Sản Liên đoàn gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam*. Như vậy, đến ngày 24-2-1930, Đảng cộng sản Việt Nam đã hoàn tất việc hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

Sự kiện Đảng cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930)<sup>xii</sup> thể hiện *bước phát triển biện chứng quá Trình vận động của cách mạng Việt Nam- sự phát triển về chất từ Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên đến ba tổ chức cộng sản, đến Đảng cộng sản Việt Nam Trên nền tảng chủ nghĩa Mác-lênin và quan điểm cách mạng Nguyễn ái Quốc.*

## **2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.**

Các văn kiện được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam như: *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương Trình tóm tắt của Đảng* hợp thành *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam.* Cương lĩnh xác định các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam như:

-Cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng: "Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"<sup>xiii</sup>

-*Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam:*

Về chính trị: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến; làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông binh, tổ chức quân đội công nông.

Về kinh tế: Thủ tiêu hết các thú quốc Tráit; tịch thu toàn bộ snar nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng,

Đặng Thu Hương -

v.v...) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp thi hành luật ngày làm 8h.

Về văn hoá - xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền v.v... Phổ thông giáo dục theo công nông hoá.

-Về lực lượng cách mạng: Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng, đánh đổ bọn đại địa chủ và phong kiến; phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (Công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia; phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, thanh niên, Tân việt, v.v.... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp; đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng lập hiến v.v....) thì phải đánh đổ.

-Về lãnh đạo cách mạng: Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam Đảng là đội tiên phong của Giai cấp vô sản phải thu phục cho đại bộ phận Giai cấp



Đặng Thu Hương -

mình, phải làm cho Giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng; trong khi liên lạc với Giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút ích lợi gì của công nông mà đi vào con đường thoả hiệp.

-Về quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, phải thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là Giai cấp vô sản Pháp.

### ***3. ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.***

-Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh Giai cấp, là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của Giai cấp công nhân Việt Nam và hệ tư tưởng Mác-lênin đối với cách mạng Việt Nam.

- Đảng cộng sản Việt Nam ra đời giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về Giai cấp lãnh đạo cách mạng diễn ra đầu thế kỷ XX

-Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và việc Đảng chủ trương: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới, đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

## **Chương II**

### **Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)**

#### **i. chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1945**

##### **1. Trong những năm 1930-1935**

###### **a. Luận cương chính trị tháng 10-1930**

###### *Nội dung của luận cương*

-*luận cương chính trị* đã phân tích đặc điểm, tình hình xã hội thuộc địa nửa phong kiến và nêu lên những vấn đề cơ bản của m dân tộc dân chủ (lúc đó gọi là cách mạng tư sản dân quyền) ở Đông Dương do Giai cấp công nhân lãnh đạo.

-*Mâu thuẫn giai cấp* diễn ra gay gắt giữa một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến và tư bản đế quốc

-*Phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương*: luận cương chỉ rõ: "Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng", sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi tiếp tục "phát triển, bỏ qua thời

Đặng Thu Hương -

kỳ tư bốn mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa".<sup>xiv</sup>

*-Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền:* Đánh đổ phong kiến, thực hành cách mạng ruộng đất triệt để và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau, vì có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được Giai cấp địa chủ, để tiến hành cách mạng thổ địa thẳng lợi, và có phá tan được chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa. Trong hai nhiệm vụ này, luận cương xác định: "*Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền*" và là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

*-Về lực lượng cách mạng:* Giai cấp vô sản vừa là động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, vừa là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Dân cày là lực lượng đông đảo nhất và là động lực mạnh của cách mạng. Tư sản thương nghiệp thì ddwcsng về phe đế quốc và địa chủ chống lại cách mạng, còn tư sản công nghiệp thì đứng về phía quốc gia cải lương và khi cách mạng phát triển cao thì họ sẽ theo đế quốc. Trong Giai cấp tiểu tư sản, bộ phận thủ công nghiệp thì có thái độ do dự; tiểu tư sản thương gia thì không tán thành cách mạng, tiểu tư sản trí thức thì có xu hướng quốc gia chủ nghĩa và chỉ có thể hăng hái tham gia chống đế quốc trong

Đặng Thu Hương -

thời kỳ đầu. Chỉ có các phần tử lao khổ ở đô thị như những người bán hàng rong, thợ thủ công nhỏ, trí thức thất nghiệp mới đi theo cách mạng mà thôi.

*-Về phương pháp cách mạng:* Để đạt được mục tiêu cơ bản của cuộc cách mạng là đánh đổ đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay công nông thì phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường "Võ trang bạo động". Võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, "phải tuân theo khuôn phép nhà binh".

*-Về quan hệ Quốc tế:* Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế Giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với Giai cấp vô sản thế giới trước hết là Giai cấp vô sản Pháp, và phải mật thiết liên lạc với pa cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa nhằm mở rộng và tăng cường lực lượng cho cuộc đấu tranh cách mạng ở Đông Dương.

*-Về vai trò lãnh đạo của Đảng:* Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là điều kiện cốt yếu cho thắng lợi của cách mạng. Đảng phải có đường lối chính trị đúng đắn, có kỷ luật tập trung, liên hệ mật thiết với quần chúng. Đảng là đội tiên phong của Giai cấp vô sản, lấy chủ nghĩa Mác-lênin làm nền tảng tư tưởng

*ý nghĩa của luận cương*

- *Luận cương chính trị* khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản thuộc về chiến lược cách mạng mà *Chánh cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt*. (Bên cạnh mặt thống nhất cơ bản, giữa *luận cương chính trị* với *Chánh cương vắn tắt* và *sách lược vắn tắt* có mặt khác nhau. *Luận cương chính trị* không nếu ra được mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp, từ đó không đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu; đánh giá không đúng vai trò cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, phủ nhận mặt tích cực của tư sản dân tộc và chưa thấy được khả năng phân hoá, lôi kéo một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ trong cách mạng giải phóng dân tộc, từ đó *luận cương* đã không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và Giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai.)

***b. Chủ trương khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng.***

Vừa mới ra đời, Đảng đã phát động được một phong trào cách mạng rộng lớn, mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh. Giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng đan dâng cao, đế quốc Pháp và tay sai đã thẳng tay đàn áp, khủng bố hòng dập tắt phong trào cách mạng Việt Nam và tiêu diệt Đảng cộng sản Đông Dương.

Tuy bị địch khủng bố ác liệt, Đảng ta và quần chúng cách mạng bị tổn thất nặng nề, song thành quả lớn nhất của phong trào cách mạng 1930-1931 mà quân thù không thể xoá bỏ được là: Đã khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của Giai cấp công nhân thông qua Đảng tiên phong của mình; đã đem lại cho nông dân niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng. Cao trào cũng đem lại cho quần chúng đông đảo, trước hết là công - nông lòng tự tin ở sức lực cách mạng của bản thân mình dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhờ tinh thần và nghị lực phi thường được rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh cách mạng trong những năm 1930 -1931, Đảng ta và quần chúng cách mạng đã vượt qua thử thách khó khăn, từng bước khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng.

Các Xứ uỷ Bắc Kỳ, Nam Kỳ, Trung Kỳ bị thực dân Pháp phá vỡ nhiều lần, đã lần lượt được lập lại trong năm 1931 và 1933. Nhiều tỉnh uỷ, huyện uỷ, chi bộ lần lượt được khôi phục. Ở miền núi phía Bắc, một số tổ chức của Đảng được thành lập.

*-Chương trình hành động của Đảng.*

Tháng 6-1932, Ban lãnh đạo Trung ương đã công bố *Chương trình hành động của Đảng chính sách Đông Dương.*

Chương Trình hành động đã đánh giá hai năm đấu tranh của quần chúng công nông và khẳng định: *Công nông Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản sẽ nổi lên võ trang bạo động thực hiện những nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến và tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.* Để chuẩn bị cho cuộc võ trang bạo động sau này, Đảng phải đề ra và lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành những quyền lợi thiết thực hàng ngày, rồi đưa quần chúng tiến lên đấu tranh cho những yêu cầu chính trị cao hơn.

Những yêu cầu chung trước mắt của đông đảo quần chúng được nêu lên trong *chương trình hành động* là:

1. Đòi các quyền tự do tổ chức, xuất bản, ngôn luận, đi lại trong nước và ra nước ngoài.

2. Bỏ những luật hình đặc biệt đối với người bản xứ, trả tự do cho tù chính trị, bỏ ngay chính sách đàn áp, giải tán hội đồng đề hình

3. Bỏ thuế thân, thuế ngụ cư và các thứ thuế volyls khác

4. Bỏ các độc quyền về rượu, thuốc phiện và muối.

*Chương trình hành động* còn đề ra những yêu cầu cụ thể riêng cho từng Giai cấp và tầng lớp nhân dân; vạch rõ phải ra sức tuyên truyền mở rộng ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, củng cố và phát triển các đoàn thể cách mạng, nhất là công hội và nông hội; dẫn dắt quần chúng đấu tranh

Đặng Thu Hương -

cho những quyền lợi hàng ngày tiến lên đấu tranh chính trị, chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền khi có điều kiện; trong xây dựng Đảng, phải làm cho Đảng vững mạnh, có kỷ luật nghiêm, giáo dục đảng viên về tư tưởng, chính trị, rèn luyện đảng viên qua đấu tranh cách mạng...

## **2. Trong những năm 1936 - 1939**

### **a. Hoàn cảnh lịch sử**

*Tình hình thế giới.*

Cuộc khủng hoảng kinh tế trong những năm 1929-1933 ở các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa đã làm cho mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản ngày càng gay gắt và phong trào cách mạng của quần chúng dâng cao.

Chủ nghĩa phátxít đã xuất hiện và thắng thế ở một số nơi như phátxít Hítler ở Đức, phátxít Phrăngcô ở Tây Ban Nha, phátxít Mút-xô-lin ở Italia và Phái sĩ quan trẻ ở Nhật bản. Chế độ phátxít là nền chuyên chính của những thế lực phản động nhất, sô vanh nhất, tàn bạo và dã man nhất. Chúng tiến hành chiến tranh xâm lược, bành trướng và nô dịch các nước khác. Tập đoàn phátxít cầm quyền ở Đức, Ý, Nhật đã liên kết với nhau thành khối "Trục", ráo riết chuẩn bị chiến tranh để chia lại thị trường thế giới, nhằm hi vọng đẩy lùi phong trào cách mạng vô sản đang phát triển mạnh mẽ. Nguy cơ chủ nghĩa phátxít và



Đặng Thu Hương -

chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hoà bình và an ninh quốc tế.

Trước tình hình đó, Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản họp tại Mátxcơva (7-1935) dưới sự chủ trì của G.DDimitốp. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu:

+Đại hội xác định *Kẻ thù nguy hiểm trước mắt* của Giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới lúc này chưa phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung, mà là *chủ nghĩa phátxít*.

+Đại hội vạch ra *nhiệm vụ trước mắt* của Giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới lúc này chưa phải là đấu tranh lật đổ chủ nghĩa tư bản, giành chính quyền, mà là *đấu tranh chống chủ nghĩa phátxít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và hoà bình*.

Để thực hiện nhiệm vụ cấp bách đó, các Đảng cộng sản và nhân dân các nước Trung ương thế giới phải thống nhất hàng ngũ của mình, *lập mặt Trung Ương nhân dân rộng rãi chống phátxít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, hoà bình và cải thiện đời sống*.

Đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, đại hội chỉ rõ: Do tình hình thế giới và trong nước thay đổi nên *vấn đề lập mặt Trung Ương thống nhất chống đế quốc có tầm quan trọng đặc biệt*.

### *Tình hình trong nước*

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã tác động sâu sắc không những đến đời sống các giai cấp và tầng lớp nhân dân lao động, mà còn đến cả những nhà tư sản, địa chủ hạng vừa và nhỏ. Trong hi đó, bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn ra sức vơ vét, bóc lột, bóp nghẹt mọi quyền tự do, dân chủ và thi hành chính sách khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

Tình hình Trên đây làm cho các Giai cấp và tầng lớp tuy có quyền lợi khác nhau nhưng đều căm thù thực dân, tư bản độc quyền Pháp, và đều có nguyện vọng chung trước mắt là đấu tranh đòi quyền được sống, quyền tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình. Trong lúc này, hệ thống tổ chức của Đảng và các cơ sở cách mạng của quần chúng đã dần khôi phục. Đây là yếu tố rất quan trọng, quyết định bước phát triển mới của phong trào cách mạng nước ta.

#### ***b. Chủ trương và nhận thức mới của Đảng.***

Trước những biến chuyển của tình hình trong nước và thế giới, đặc biệt dưới ánh sáng của chủ trương chuyển hướng chiến lược của Đại hội lần VII Quốc tế cộng sản, trong những năm 1936-1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương đã họp Hội nghị lần thứ hai (7-1936), lần thứ ba (3-1937), lần thứ tư (9-1937) và lần thứ

Đặng Thu Hương -

năm (3-1938)..... đề ra những chủ trương mới về chính trị, tổ chức và hình thức đấu tranh phù hợp với tình hình cách mạng nước ta.

*Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh*

+*Về kẻ thù của cách mạng*: Kẻ thù trước mắt nguy hại nhất của nhân dân Đông Dương cần tập trung đánh đổ là *bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng*.

+*Về nhiệm vụ trước mắt của cách mạng*: Là chống phátxít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, *đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình*. Để thực hiện những nhiệm vụ trước mắt của cách mạng, Ban Chấp hành Trung ương quyết định thành lập *Mặt trận nhân dân phản đế*, bao gồm các Giai cấp, dân tộc, đảng phái, đoàn thể chính trị, xã hội, và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, với nòng cốt là liên minh công nông. Để phù hợp với yêu cầu tập hợp lực lượng cách mạng trong tình hình mới, Mặt trận nhân dân phản đế đã được đổi tên thành Mặt trận dân chủ Đông Dương.

+*Về đoàn kết Quốc tế*: Để tập trung, cô lập và chia rẽ nhọn đấu tranh vào bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng ở Đông Dương, đòi quyền tự do, dân chủ, dân sinh, thì không những phải đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và Đảng cộng sản Pháp, "Ủng hộ Mặt trận nhân dân

Đặng Thu Hương -

Pháp", mà còn phải đề ra khẩu hiệu "Ủng hộ chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp" để cùng nhau chống lại kẻ thù chung là bọn phátxít ở Pháp và bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương.

+ *Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh*: Phải chuyển hình thức tổ chức bí mật không hợp pháp sang hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, nhằm làm cho Đảng mở rộng sự quan hệ với quần chúng, giáo dục, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh bằng các hình thức và khẩu hiệu thích hợp.

*Nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ*

Trong khi đề ra chủ trương mới để lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh nhằm thực hiện các quyền dân chủ, dân sinh, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, phản đế và điền địa trong cách mạng Đông Dương. Trong văn kiện: "*Chung quanh vấn đề chiến sách mới*" công bố tháng 10-1936, Đảng đã nêu một quan điểm mới: "Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề vấn đề điền địa thì cần phải xác định đánh đổ

đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng”. Vì rằng, tuy hoàn cảnh hiện thực bắt buộc, nếu nhiệm vụ chống đế quốc là cần kíp cho lúc hiện thời, còn vấn đề giải quyết điền địa tuy quan trọng nhưng chưa phải trực tiếp bắt buộc, thì có thể trước tập trung đánh đổ đế quốc rồi sau mới giải quyết vấn đề thuộc địa.

."nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc đấu tranh phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng"<sup>xv</sup>

Đây là nhận thức mới của Ban Chấp hành Trung ương, nó phù hợp với tinh thần trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và khắc phục những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930.

-Tháng 3-1939, Đảng ra bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc*, nêu rõ họa phátxít đang đến gần, Chính phủ Pháp hiện đã nghiêng về phía hữu, ra sức bóp nghẹt tự do dân chủ, tăng cường bóc lột nhân dân và ráo riết chuẩn bị chiến tranh. *Tuyên ngôn* kêu gọi các tầng lớp nhân dân phải thống nhất hành động hơn nữa trong việc đòi các quyền tự do dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc.

-Tháng 7-1939, Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ cho xuất bản tác phẩm *Tự chỉ trích*. Tác phẩm đã phân tích những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng, tổng kết kinh nghiệm cuộc vận động dân chủ của Đảng, nhất là về đường lối xây dựng Mặt trận dân chủ Đông Dương, một vấn đề chính trị trung tâm của Đảng lúc đó. Tác phẩm *tự chỉ trích* chẳng những có tác dụng lớn trong cuộc đấu tranh để khắc phục những lệnh lạc; sai lầm trong phong trào vận động dân chủ, tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, mà còn là một văn kiện lý luận quan trọng về xây dựng Đảng, về công tác vận động thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi trong đấu tranh cách mạng ở Việt Nam.

## **II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945**

### **1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng.**

#### **a. Tình hình thế giới và trong nước**

##### *Chiến tranh thế giới lần thứ Hai bùng nổ*

Ngày 1-9-1939, phátxít Đức tấn công Ba Lan, hai ngày sau Anh và Pháp tuyên chiến với Đức, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Phátxít Đức lần lượt chiếm các nước Châu Âu. Đế quốc Pháp lao vào vòng chiến. Chính phủ Pháp đã thi hành biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong

Đặng Thu Hương -

nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ. Đảng cộng sản Pháp bị đặt ngoài vòng pháp luật.

Tháng 6-1940, Đức tấn công Pháp. Chính phủ Pháp đầu hàng Đức. Ngày 22-6-1941, quân phátxít Đức tấn công Liên Xô. Từ khi phátxít Đức xâm lược Liên Xô làm trụ cột với các lực lượng phátxít do Đức cầm đầu.

### *Tình hình trong nước*

Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, cấm lưu hành, tàng trữ tài liệu cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội hữu ái, nghiệp đoàn và tịch thu tài sản của các tổ chức đó, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người.

TD Phốp phátxít hoá bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân, tập trung lực lượng đánh vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Ngày 22-9-1940 phátxít Nhật đã tiến vào Lạng Sơn và đổ vào Hải Phòng. Ngày 29-9-1940, tại Hà Nội, Pháp ký hiệp định đầu hàng Nhật. Từ đó, nhân dân ta chịu cảnh một cổ chịu hai tròng áp bức, bóc lột của Pháp – Nhật. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc phátxít Pháp – Nhật trở lên gay gắt hơn bao giờ hết.

***b. Nội dung CHỦ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược***

Kể từ khi Chiến tranh Thế giới thứ Hai bùng nổ, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp hội nghị lần thứ sáu (tháng 11- 1939), Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ bảy (tháng 11-1940) và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tám (tháng 5-1941). Trên cơ sở nhận định khả năng diễn biến của Chiến tranh thế giới lần thứ Hai và căn cứ vào tình hình cụ thể ở trong nước, Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược như sau:

*Một là, đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.*

*Hai là, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh để đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc.*

*Ba là, quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại.*

*-Để đưa cuộc khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi, cần phải ra sức phát triển lực lượng cách mạng, bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, xúc tiến xây dựng căn cứ địa cách mạng. Trung ương quyết định duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn và chủ trương thành lập những đội du kích*



Đặng Thu Hương -

hoạt động phân tán, dùng hình thức vũ trang vừa chiến đấu chống địch, bảo vệ nông dân, vừa phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới thành lập khu căn cứ, lấy vùng Bắc Sơn, Vũ Nhai làm trung tâm.

-Ban Chấp hành Trung ương xác định phương châm và hình thái khởi nghĩa ở nước ta: “Phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh bại quân thù...với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”<sup>xvi</sup>.

-Ban Chấp hành Trung ương còn đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo Đảng, đồng thời chủ trương gấp rút đào tạo cán bộ, cán bộ lãnh đạo, cán bộ công vận, nông vận, binh vận, quân sự và đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

### ***c. ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược***

-Với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã *hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược* nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để thực hiện mục tiêu ấy.

-Đường lối giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tập hợp rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước trong Mặt trận Việt Minh, xây dựng căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang, là ngọn cờ đầu dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân.

## **2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền**

### **a. Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần**

Vào cuối năm 1944, đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ Hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô quét sạch phátxít Đức ra khỏi lãnh thổ của mình và tiến như cũ bão về phía Bôclin. Phátxít Nhật lâm vào tình trạng nguy khốn. Mâu thuẫn Nhật – Pháp ngày càng gay gắt. Đêm 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương.

Ngay đêm 9-3-1945, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh). Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

*Chỉ thị nhận định* cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương đã tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thật sự chín muồi. Tuy vậy, hiện đang có những cơ hội tốt làm cho những điều kiện tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.

*Chỉ thị xác định:* Sau cuộc đảo chính, phátxít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt duy nhất của nhân dân Đông Dương, vì vậy phải thay khẩu hiệu “đánh đuổi phátxít Nhật – Pháp” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phátxít Nhật”.

*Chỉ thị chủ trương* phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa. Mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh lúc này phải thay đổi cho thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa như tuyên truyền xung phong, biểu tình tuần hành, bãi công chính trị, biểu tình phá kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói, đẩy mạnh xây dựng các đội tự vệ cứu quốc...

*Chỉ thị nêu rõ phương châm đấu tranh* lúc này là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa.

*Chỉ thị dự kiến* những điều kiện thuận lợi để thực hiện tổng khởi nghĩa như khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật, quân Nhật kéo ra mặt trận ngăn cản quân

Đặng Thu Hương -

Đông minh để phía sau sơ hở. Cũng có thể là cách mạng Nhật bùng nổ và chính quyền của cách mạng nhân dân Nhật được thành lập, hoặc Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940 và quân đội viễn chinh Nhật mất tinh thần.

*Đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận*

Từ giữa tháng 3-1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước đã diễn ra rất sôi nổi, mạnh mẽ và phong phú về nội dung và hình thức.

Phong trào đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần đã diễn ra trong nhiều nơi ở vùng thượng du và trung du Bắc Kỳ. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt xã, châu huyện thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

Ở Bắc Giang, quần chúng nổi dậy thành lập uỷ ban dân tộc giải phóng ở nhiều làng. Đội du kích Bắc Giang được thành lập. Ở Quảng Ngãi, cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Ba Tơ. Đội du kích BaTơ được thành lập.

Giữa lúc cao trào kháng Nhật cứu nước đang dâng lên mạnh mẽ, ngày 15-4-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hoà (Bắc Giang). Hội nghị nhận định: Tình thế đã đặt

Đặng Thu Hương -

nhiệm vụ quân sự lên trên tất các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này. Chúng ta phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa kháng Nhật để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ. Hội nghị đã quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang sẵn có thành *Việt Nam giải phóng quân*; quyết định xây dựng 7 chiến khu trong cả nước và chủ trương phát triển hơn nữa lực lượng vũ trang và nửa vũ trang...

Trong hai tháng 5 và 6 – 1945 các cuộc khởi nghĩa từng phần liên tục nổ ra và nhiều chiến khu được thành lập ở cả 3 miền. Ở Khu giải phóng và một số địa phương, chính quyền nhân dân đã hình thành, tồn tại song song với chính quyền tay sai của phátxít Nhật.

Ngày 4-6-1945, khu giải phóng chính thức được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và một số vùng lân cận thuộc tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên.

Giữa lúc phong trào quần chúng trong cả nước đang phát triển mạnh mẽ ở cả nông thôn và thành thị, nạn đói đã diễn ra nghiêm trọng ở các tỉnh Bắc bộ và Bắc Trung bộ do Nhật, Pháp đã vơ vét hàng triệu tấn lúa gạo của nhân dân. Hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói. Xuất phát từ lợi ích sống còn trước mắt của quần chúng, Đảng kịp thời đề ra khẩu hiệu:

“phá kho thóc, giải quyết nạn đói”. Chủ trương đó đã đáp ứng đúng nguyện vọng cấp bách của nhân dân ta, vì vậy trong một thời gian ngắn, Đảng đã động viên được hàng triệu quần chúng tiến lên trận tuyến cách mạng.

### **b. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa**

*Phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền*

Chiến tranh thế giới thứ Hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ngày 2-5-1945, Hồng quân Liên Xô chiếm Bôclin, tiêu diệt phátxít Đức tận hang ổ của chúng.

Ngày 9-5-1945, phátxít Đức đầu hàng không điều kiện. ở châu á, phátxít Nhật đang đi đến chỗ hoàn toàn thất bại.

Trước sự phát triển hết sức nhanh chóng của tình hình, Trung ương quyết định họp *Hội nghị toàn quốc* của Đảng tại Tân trào (Tuyên Quang) từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945. Hội nghị nhận định: “ Cơ hội rất tốt cho ta giành chính quyền độc lập đã tới” và *quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa*, giành chính quyền từ tay phátxít Nhật và tay sai, trước khi quân đồng minh vào Đông Dương.

Hội nghị đã chỉ rõ khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: Phản đối xâm lược; Hoàn toàn độc lập; Chính quyền nhân dân. Những nguyên tắc để chỉ đạo cuộc khởi nghĩa là tập trung, thống nhất và kịp thời, phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và

Đặng Thu Hương -

chính trị phải phối hợp; phải làm tan rã tonh thần quân địch...

Hội nghị còn quyết định những vấn đề quan trọng về đối nội và đối ngoại trong tình hình mới. Về đối nội, sẽ lấy 10 chính sách lớn của Việt Minh làm chính sách cơ bản của chính quyền cách mạng. Về đối ngoại, thực hiện nguyên tắc bình đẳng, hợp tác, thêm bạn bớt thù, triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa Pháp-Anh và Mỹ-Tướng, hết sức tránh trường hợp phải đối phó nhiều kẻ thù cùng một lúc; phải tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô, của nhân dân thế giới, nhất là nhân dân Pháp và nhân dân Trung Quốc. Hội nghị quyết định cử uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc do Trường Chinh phụ trách và kiện toàn Ban Chấp hành Trung Ương.

Ngày đêm 13-8-1945, uỷ ban toàn quốc ra lệnh Tổng khởi nghĩa.

Ngày 16-8-1945, cũng tại Tân Trào, Đại hội quốc dân họp, Đại hội nhiệt liệt tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng và Mười chính sách của Việt Minh, quyết định thành lập *uỷ ban giải phóng dân tộc Việt nam*.

Ngày sau Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”<sup>xvii</sup>.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn 20 triệu nhân dân ta nhất tề vùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Từ ngày 14-8-1945, các đơn vị giải phóng quân đã liên tiếp hạ nhiều đồn Nhật thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái và hỗ trợ quần chúng tiến lên giành chính quyền. Ngày 18-8-1945, nhân dân các tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Phúc yên, Thái Bình, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Quảng Nam và Khánh Hoà giành chính quyền ở tỉnh lỵ.

Ngày 19-8-1945, dưới sự lãnh đạo của Thành uỷ Hà Nội, hàng chục vạn quần chúng sau khi dự mít tinh, đã rầm rộ xuống đường biểu tình, tuần hành và mau chóng toả đi các hướng chiếm Phủ khâm sai, Toà thị chính, Trại lính bảo an, Sở cảnh sát và các công sở của chính quyền bù nhìn. Trước khí thế áp đảo của quần chúng khởi nghĩa, hơn một vạn quân Nhật ở Hà Nội tê liệt, không dám chống cự. Chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 23-8-1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Huế, ngày 25-8-1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn. chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14 đến 28-8-1945) cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công trên cả nước, chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 2-9-1945, tại cuộc mít tinh lớn ở Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, thay mặt ban Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên



Đặng Thu Hương -

bổ với quốc dân đồng bào và toàn thể thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

***c. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc cách mạng Tháng tám***

Kết quả và ý nghĩa

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ hàng mấy nghìn năm và thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận người nô lệ trở thành người dân của nước độc lập tự do, làm chủ vận mệnh của mình.

Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Với thắng lợi của cách mạng Tháng Tám, Đảng và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ.

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập tự do.

### Nguyên nhân thắng lợi

Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong bối cảnh quốc tế rất thuận lợi: Kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít Nhật đã bị liên xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại. Bọn Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã.

Cách mạng Tháng Tám là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua ba cao trào cách mạng rộng lớn: Cao trào 1930 – 1931, Cao trào 1936 – 1939, Cao trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945. Quân chúng cách mạng được Đảng tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện bằng thực tiễn đấu tranh đã trở thành lực lượng chính trị hùng hậu, có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.

Cách mạng Tháng Tám thành công là do Đảng ta đã chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong mặt trận Việt minh trong cơ sở, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng ta là người tổ chức và lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám. Đảng thống nhất, nắm vững thời cơ, chỉ đạo cương quyết, khéo léo, biết tạo ra sức mạnh tổng hợp để áp

Đặng Thu Hương -

đảo kẻ thù và quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

### Bài học kinh nghiệm

Một là: Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

Hai là: Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công – nông

Ba là: Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù

Bốn là: Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

Năm là: Nằm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ

Sáu là: Xây dựng một Đảng Mác- Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

## **Chương III:**

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc mỹ xâm lược

**(1945-1975)**

# **I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)**

## **1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946)**

### *a. Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám*

-Thuận lợi cơ bản là trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu được hình thành. Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc có điều kiện phát triển, trở thành một dòng thác cách mạng. Phong trào dân chủ và hoà bình cũng vươn lên mạnh mẽ. Ở trong nước, phong trào chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Nhân dân lao động đã làm chủ vận mệnh đất nước, toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà do Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

-Khó khăn nghiêm trọng là hậu quả do chế độ cũ để lại như nạn đói, nạn dốt rất nặng nề, ngân quỹ quốc gia trống rỗng, kinh nghiệm quản lý đất nước của cán bộ các cấp non yếu. Nền độc lập của nước ta chưa được quốc gia nào trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Với danh nghĩa Đồng Minh đến tước khí giới của phát xít Nhật, quân đội các nước đế quốc ồ ạt kéo vào chiếm đóng Việt Nam và

Đặng Thu Hương -

khuyến khích bọn Việt gian chống phá chính quyền cách mạng nhằm xoá bỏ nền độc lập và chia cắt nước ta. Nghiêm trọng nhất là quân Anh, Pháp đã đồng loã với nhau nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, hòng tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam. “Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm” là những hiểm họa đối với chế độ mới, vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”. Tổ quốc lâm nguy.

b. *Chủ trương “kháng chiến kiến quốc của Đảng”*

Ngày 25 – 11 – 1945, Ban chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị Kháng chiến kiến quốc, vạch con đường đi lên cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, chủ trương kháng chiến kiến quốc của Đảng là:

-Về chỉ đạo chiến lược: Đảng xác định mục tiêu phải nêu cao của Cách mạng Việt Nam lúc này vẫn là dân tộc giải phóng, khẩu hiệu lúc này vẫn là “dân tộc trên hết, tổ quốc trên hết”. Nhưng không phải là giành độc lập mà là giữ vững độc lập.

-Về xác định kẻ thù: Đảng phân tích âm mưu của các đế quốc đối với Đông Dương và chỉ rõ kẻ thù chính của chúng ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng. Vì vậy phải lập mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược, mở rộng mặt

Đặng Thu Hương -

trận Việt Minh nhằm thu hút mọi tầng lớp nhân dân; thống nhất mặt trận Việt – Miên – Lào...

-Về phương hướng, nhiệm vụ: Đảng nêu lên 4 nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách cần khẩn trương thực hiện là: củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân. Đảng chủ trương kiên trì nguyên tắc thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “Hoa – Việt thân thiện” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế đối với Pháp.

→Chỉ thị kháng chiến kiến quốc có ý nghĩa hết sức quan trọng, chỉ thị đã xác định đúng kẻ thù của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược. Đã chỉ ra kịp thời các vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng, nhất là nêu rõ hai nhiệm vụ chiến lược mới của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám là xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ đất nước. Đề ra những nhiệm vụ, biện pháp cụ thể về đối nội, đối ngoại để khắc phục nạn đói, nạn dốt, chống thù trong giặc ngoài bảo vệ chính quyền cách mạng.

*c. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm*

\*Kết quả:

-Về chính trị, xã hội: Đã xây dựng được nền móng cho một chế độ xã hội mới – chế độ dân chủ nhân dân với đầy đủ các yếu tố cấu thành cần thiết. Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp được thành lập thông qua phổ thông bầu cử. Hiến pháp dân chủ nhân dân được quốc hội thông qua và ban hành. Bộ máy chính quyền từ Trung ương đến làng xã và các cơ quan tư pháp, toà án, các công cụ chuyên chính như vệ quốc đoàn, công an nhân dân được thiết lập và tăng cường. Các đoàn thể nhân dân như mặt trận Việt Minh, hội liên hiệp quốc dân Việt Nam, tổng công đoàn Việt Nam, hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam được xây dựng và mở rộng. Các Đảng phái chính trị như Đảng dân chủ Việt Nam, Đảng xã hội Việt Nam được tự do hoạt động...

-Về kinh tế, văn hoá: Đã phát động phong trào tăng gia sản xuất, cứu đói, xoá bỏ các thứ thuế vô lý của chế độ cũ, ra sắc lệnh giảm tô 25%, xây dựng ngân quỹ quốc gia, các lĩnh vực sản xuất được hồi phục, cuối năm 1945, nạn đói cơ bản được đẩy lùi, năm 1946 đời sống nhân dân được ổn định và có cải thiện. Tháng 11 năm 1946, giấy bạc “Cụ Hồ” được phát hành. Đã mở lại các trường lớp và tổ chức khai giảng năm học mới. Cuộc vận động toàn dân xây dựng nền văn hoá mới đã bước đầu xoá bỏ được nhiều tệ nạn xã hội và thủ tục lạc hậu. Phong trào diệt dốt, bình dân học vụ

Đặng Thu Hương -

được thực hiện sôi nổi. Cuối 1946 cả nước đã có thêm 2,5 triệu người biết đọc biết viết.

-Về bảo vệ chính quyền cách mạng: Ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng phạm vi chiếm đóng ra các tỉnh Nam Bộ, Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến và phát động phong trào Nam tiến chi viện Nam Bộ, ngăn không cho quân Pháp đánh ra Trung Bộ. Ở miền Bắc, Đảng, chính quyền ta đã thực hiện chính sách nhân nhượng với quân đội Tưởng và tay sai của chúng để giữ vững chính quyền, tập trung lực lượng chống Pháp ở miền Nam. Khi Pháp – Tưởng ký hiệp ước Trùng Khánh (28/2/1946) thỏa thuận mua bán quyền lợi với nhau, cho Pháp kéo quân ra miền Bắc, Đảng lại mau lẹ chỉ đạo chọn giải pháp hoà hoãn, giàn xếp với Pháp để buộc quân Tưởng phải rút về nước. Hiệp định sơ bộ 6/3/1946, cuộc đàm phán ở Đà Lạt, ở Phong ten nơ bờ lô (Phongtennebleau, Pháp). Tạm ước 14/9/1946 đã tạo điều kiện cho quân dân ta có thêm thời gian chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu mới.

\*ý nghĩa của những thành quả đấu tranh nói trên là đã bảo vệ được nền độc lập của đất nước, giữ vững chính quyền cách mạng, xây dựng được những nền móng đầu tiên và cơ bản cho một chế độ mới, chế độ Việt Nam dân chủ



Đặng Thu Hương -

cộng hoà, chuẩn bị được những điều kiện cần thiết, trực tiếp cho cuộc kháng chiến toàn quốc sau đó.

\*Nguyên nhân thắng lợi: Có được những thắng lợi quan trọng đó là do Đảng đã đánh giá đúng tình hình nước ta sau Cách mạng Tháng Tám, kịp thời đề ra chủ trương kháng chiến kiến quốc, xây dựng và phát huy được sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc, lợi dụng được mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch...

\*Bài học kinh nghiệm trong hoạch định và chỉ đạo thực hiện chủ trương kháng chiến kiến quốc giai đoạn 1945 – 1946 là: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, dựa vào dân để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, chia mũi nhọn vào kẻ thù chính, coi sự nhân nhượng có nguyên tắc với kẻ địch cũng là một biện pháp đấu tranh cách mạng cần thiết trong hoàn cảnh cụ thể. Tận dụng khả năng hoà hoãn để xây dựng lực lượng, củng cố chính quyền nhân dân, đồng thời đề cao cảnh giác, sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh lan ra cả nước khi kẻ địch bội ước.

## **2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 – 1954)**

### **a. Hoàn cảnh lịch sử**

Đặng Thu Hương -

Tháng 11/1946 quân Pháp mở cuộc tiến công chiếm đóng cả thành phố Hải Phòng và thị xã Lạng Sơn, cho quân đổ bộ lên Đà Nẵng và gây ra nhiều cuộc khiêu khích, tàn sát đồng bào ta ở Hà Nội.

Ngày 19/12/1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi ta tước vũ khí của tự vệ Hà Nội, kiểm soát an ninh trật tự ở Thủ đô, Ban thường vụ Trung ương Đảng đã họp tại làng Vạn Phúc (Hà Đông) dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh để hoạch định chủ trương đối phó và xác định khả năng hoà hoãn không còn. Hoà hoãn nữa sẽ dẫn đến hoạ mất nước. Hội nghị đã quyết định hạ quyết tâm phát động cuộc kháng chiến trong cả nước và chủ động tiến công trước khi thực dân Pháp thực hiện màn kịch đảo chính quân sự ở Hà Nội. Mệnh lệnh kháng chiến được phát đi. Vào lúc 20h ngày 19/12/1946, tất cả các chiến trường trong cả nước đều đồng loạt nổ súng.

Rạng sáng ngày 20/12/1946. Lời kêu gọi toàn nước kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát đi trên Đài Tiếng nói Việt Nam.

Thuận lợi của ta khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là ta chiến đấu để bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc và đánh địch trên đất nước mình nên có chính nghĩa, có “thiên thời, địa lợi, nhân hoà”. Ta cũng có

Đặng Thu Hương -

những sự chuẩn bị cần thiết về mọi mặt, nên về lâu dài, ta sẽ có khả năng đánh thẳng quân xâm lược. Trong khi đó, thực dân Pháp cũng có nhiều khó khăn về chính trị, kinh tế, quân sự ở trong nước và tại Đông Dương không dễ gì khắc phục được ngay.

Khó khăn của ta là tương quan lực lượng quân sự yếu hơn địch. Ta bị bao vây bốn phía, chưa được nước nào công nhận, giúp đỡ. Còn quân Pháp lại có vũ khí tối tân, đã chiếm đóng được Trung ương Đảng nước Campuchia và Lào và một số nơi ở Nam Bộ Việt Nam, có quân đội đứng chân trong các thành thị lớn ở miền Bắc.

#### *b. Quá trình hình thành và nội dung đường lối*

Đường lối kháng chiến của Đảng được hình thành từng bước trong quá trình chỉ đạo Nam Bộ kháng chiến, qua sự theo dõi âm mưu, thủ đoạn của địch cũng như từ thực tiễn chuẩn bị về mọi mặt của ta.

Một ngày sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, trong chỉ thị “kháng chiến, kiến quốc”, Đảng đã nhận định kẻ thù chính, nguy hiểm nhất với ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung mũi nhọn đấu tranh vào chúng. Trong quá trình chỉ đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo kết hợp

Đặng Thu Hương -

đấu tranh chính trị, quân sự với ngoại giao để làm thất bại âm mưu của Pháp định tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Ngày 19/10/1946, Trung ương Đảng mở Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ nhất, do Tổng bí thư Trường Chinh chủ trì. Xuất phát từ nhận định “không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”, Hội nghị đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể cả về tư tưởng và tổ chức để quân dân cả nước sẵn sàng bước vào một cuộc chiến đấu mới. Trong chỉ thị “công việc khẩn cấp bây giờ” (5/11/1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên những việc có tầm chiến, toàn cục khi bước vào cuộc kháng chiến và khẳng định lòng tin vào thắng lợi cuối cùng.

Đường lối kháng chiến của Đảng được hoàn chỉnh và thể hiện tập trung trong Cách mạng tháng Tám văn kiện lớn được soạn thảo và công bố sát trước và sau ngày cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Đó là chỉ thị “toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (22/12/1946), “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh (20/12/1946), tác phẩm “kháng chiến nhất định thắng lợi” của Trường Chinh (các bài viết đăng trên báo sự thật năm 1947, được xuất bản thành sách tháng 9/1947).

*\*Nội dung đường lối:*

-Mục đích kháng chiến: kế tục và phát triển sự nghiệp Cách mạng tháng Tám, “đánh phản động thực dân Pháp xâm lược giành thống nhất và độc lập”.

-Tính chất kháng chiến: “cuộc kháng chiến này chính là một cuộc chiến tranh cách mạng có tính chất dân tộc độc lập và dân chủ tự do... nhằm hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc và phát triển dân chủ mới”.

-Phương châm tiến hành kháng chiến: tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa trên sức mình là chính.

-Kháng chiến toàn dân: “tất cả già, trẻ, trai gái, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên chiến đấu, là thực hiện mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài.

-Kháng chiến toàn diện: Đánh địch về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao, trong đó:

-Về chính trị: Thực hiện đoàn kết toàn dân, tăng cường xây dựng Đảng. chính quyền, các đoàn thể nhân dân. Đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu tự do, hoà bình.

-Về quân sự: Thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiêu diệt địch giải phóng nhân dân và đất đai. Thực hiện du kích chiến tiến lên vận động chiến, đánh chính quy, là “triệt để vùng du kích , vận động chiến.

Đặng Thu Hương -

Bảo toàn thực lực, kháng chiến lâu dài... vừa đánh vừa võ trang thêm, vừa đánh vừa đào tạo thêm cán bộ”.

-Về kinh tế: tiêu thổ kháng chiến, xây dựng kinh tế tự cung tự cấp, tập trung phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp quốc phòng.

-Về văn hoá: xoá bỏ văn hoá thực dân, phong kiến, xây dựng nền văn hoá dân chủ mới theo ba nguyên tắc, dân tộc, khoa học, đại chúng.

-Về ngoại giao: thực hiện chính sách thêm bạn bớt thù, biểu dương thực lực. “liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp”, sẵn sàng đàm phán nếu công nhận Việt Nam độc lập...

-Kháng chiến lâu dài (trường kỳ): là để chống âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, để có thời gian phát huy yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hoà” của ta, chuyển hoá tương quan lực lượng từ chỗ ta yếu hơn địch đến ta mạnh hơn địch, đánh thắng địch.

-Dựa vào sức mình là chính: “phải tự cấp, tự túc về mọi mặt”, vì ta bị bao vây bốn phía. Khi nào có điều kiện sẽ tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, song lúc đó cũng không ỷ lại.

-Triển vọng kháng chiến: Mặc dù lâu dài, gian khổ khó khăn nhưng nhất định thắng lợi.

→ Đường lối kháng chiến của Đảng với những nội dung cơ bản nêu trên là đúng đắn và sáng tạo, vừa kế thừa được kinh nghiệm tổ tiên, đúng với các nguyên lý về chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin vừa phù hợp với thực tế đất nước lúc bấy giờ. Đường lối kháng chiến của Đảng được công bố sớm đã có tác dụng đưa cuộc chiến nhanh chóng đi vào ổn định và sớm phát triển đúng hướng, từng bước đi tới những thắng lợi vẻ vang.

\*Đến đầu 1951, tình hình thế giới và cách mạng Đông Dương có nhiều chuyển biến mới. Đó là sự lớn mạnh của phe xã hội chủ nghĩa làm thay đổi cơ bản tương quan lực lượng trên trường quốc tế có lợi cho hoà bình và cách mạng. Nước ta đã được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi quan trọng. Song lợi dụng tình thế khó khăn của thực dân Pháp. Đế quốc Mỹ đã can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Điều kiện lịch sử đó đã đặt ra yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, đặc biệt là yêu cầu Đảng phải ra hoạt động công khai để lãnh đạo cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn cao hơn.

\*Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 2/1951, Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp Đại hội đại biểu lần thứ hai, tại tỉnh Tuyên Quang. Đại hội đã nhất trí tán thành Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương do Chủ tịch HỒ Chí Minh trình bày và ra Nghị quyết chia tách Đảng Cộng sản Đông Dương thành ba đảng cách mạng để lãnh đạo cuộc kháng chiến của ba dân tộc đi tới thắng lợi. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là **Đảng Lao Động Việt Nam**.

Báo cáo hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội của Tổng bí thư Trường Chinh trình bày tại Đại hội của Đảng Lao Động Việt Nam đã hoàn chỉnh đường lối kháng chiến và phát triển thành đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đường lối đó được phản ánh trong Chính Cương của Đảng Lao Động Việt Nam, nội dung cơ bản là:

+Tính chất xã hội: “Xã hội Việt Nam hiện nay gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Ba tính chất đó đang đấu tranh lẫn nhau. Nhưng mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa dân chủ nhân dân và tính chất thuộc địa. Mâu thuẫn đó đang được giải quyết trong quá trình kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ”.



+Đối tượng cách mạng: Cách mạng Việt Nam có hai đối tượng, đối tượng chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.

+Nhiệm vụ cách mạng: “Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc; xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội. Ba nhiệm vụ đó khăng khít với nhau. Song nhiệm vụ chính trước mắt là giải phóng dân tộc. Cho nên lúc này phải tập trung lực lượng vào việc kháng chiến để quyết thắng quân xâm lược.

+Động lực của cách mạng: Gồm có bốn giai cấp: công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phần tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng là công nhân, nông dân và lao động trí thức.

+Đặc điểm cách mạng: Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản nói trên do nhân dân lao động làm động lực, công nông và lao động trí thức làm nền tảng và giai cấp công nhân lãnh

Đặng Thu Hương -

đạo, cách mạng Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng đó không phải là cách mạng dân chủ tư sản lối cũ cũng không phải là cách mạng chủ nghĩa xã hội mà là một thứ cách mạng dân chủ tư sản lối mới tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+Triển vọng của cách mạng: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội.

+Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội: Đó là một con đường đấu tranh lâu dài, đại thể trải qua ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc; Giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; Giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội. Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ, xen kẽ với nhau.

+Giai cấp lãnh đạo và mục tiêu của Đảng: Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân. Đảng Lao Động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam. Mục đích của Đảng là xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, để thực

Đặng Thu Hương -

hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số ở Việt Nam.

+Chính sách của Đảng: Có 15 chính sách lớn nhằm phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm móng cho chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi.

+Quan hệ quốc tế: Việt Nam đứng về phe hoà bình và dân chủ, phải tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới của Trung Quốc, Liên Xô. Thực hiện đoàn kết Việt – Trung, Việt – Xô và đoàn kết Việt – Miên – Lào...

➔Đường lối cách mạng Việt Nam thông qua chính cương Đảng Lao Động Việt Nam đã tiếp tục được bổ sung, phát triển qua các hội nghị Trung ương:

-Tại hội nghị Trung ương lần thứ nhất (3/1951), Đảng đã phân tích tình hình quốc tế, trong nước và nhấn mạnh chủ trương phải tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo chiến tranh, củng cố và gia cường bộ đội chủ lực, củng cố bộ đội địa phương và dân quân du kích. Gia cường việc lãnh đạo kinh tế tài chính, thực hiện việckhuyến khích, giúp đỡ tư sản dân tộc kinh doanh và gọi vốn của tư nhân để phát triển công thương nghiệp. Tích cực tham gia phong trào bảo vệ hoà bình thế giới, củng cố Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức.

-Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ hai (họp từ 27/9 – 5/10/1951). Đã nêu lên chủ trương đẩy mạnh cuộc kháng chiến trong cơ sở thực hiện tốt ba nhiệm vụ lớn là: ra sức tiêu diệt sinh lực địch, tiến tới dành ưu thế quân sự, ra sức phá âm mưu thâm độc của địch, lấy kháng chiến ở vùng tạm bị chiếm, củng cố và phát triển sức kháng chiến của toàn quốc, toàn dân, củng cố và phát triển đoàn kết.

-Tại hội nghị Trung ương lần thứ tư (tháng 1/1953), vấn đề cách mạng ruộng đất được Đảng tập trung nghiên cứu, kiểm điểm và đề ra chủ trương thực hiện triệt để giảm tô, chuẩn bị tiến tới cải cách ruộng đất. Hội nghị cho rằng: “muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thực thà thực hiện thì phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nhân nông dân, phải chia ruộng đất cho nông nhân”.

-Đến hội nghị Trung ương lần thứ năm (tháng 11/1953), Đảng quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và tiến hành cải cách ruộng đất trong kháng chiến. “cải cách ruộng đất để đảm bảo cho kháng chiến thắng lợi”, “cải cách ruộng đất là chính sách chung của cae nước, nhưng phải tùy điều kiện mà nơi làm trước, nơi làm sau”. “cải cách ruộng đất là một cuộc cách mạng nông dân, một cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn, rất rộng lớn, gay go và phức tạp.

Đặng Thu Hương -

Cho nên chuẩn bị phải thật đầy đủ, kế hoạch phải thật rõ ràng, lãnh đạo phải thật chặt chẽ...”

-Đường lối hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội của Đảng được thực hiện trên thực tế giai đoạn 1951 – 1954.

### **3. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.**

a. *Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối*

\*Kết quả

-Về xây dựng lực lượng: Bộ máy chính quyền 5 cấp được củng cố. Mặt trận liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập. Khối đại đoàn kết toàn dân phát triển lên một bước mới. Khối liên minh đoàn kết Việt Nam – Lào – Campuchia được tăng cường. Đến cuối năm 1952, lực lượng chủ lực đã có sáu đại đoàn bộ binh, một đại đoàn công binh – pháo binh. Chính sách ruộng đất được triển khai, từng bước thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng.

-Trên lĩnh vực quân sự: Thắng lợi của các chiến dịch Trung Du, đường 18 Hà - Nam – Ninh, Hoà bình, Tây Bắc, Thượng Lào... đã tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai và dân cư, mở rộng vùng giải phóng của Việt Nam và cho cách mạng Lào... Chiến dịch

Đặng Thu Hương -

Điện Biên Phủ diễn ra từ ngày 13/3/1954 và kết thúc thắng lợi vào ngày 7/5/1954. Chiến thắng Điện Biên Phủ được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa trong thế kỷ XX và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân.

-Trên mặt trận ngoại giao: Với phương châm kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao, ngày 27/12/1953, Ban bí thư ra thông tư nêu rõ: “lập trường của nhân dân Việt Nam là luôn kiên quyết kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Song nhân dân và chính phủ ta cũng tiến hành thương lượng nhằm mục đích giải quyết hoà bình vấn đề Việt Nam”. Ngày 8/5/1954, Hội nghị quốc tế về kết thúc chiến tranh Đông Dương chính thức khai mạc ở Giơnevơ (Thụy Sĩ). Ngày 21/7/1954, các văn bản của Hội nghị Giơnevơ về kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương được ký kết, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nước ta kết thúc thắng lợi.

*\*ý nghĩa thắng lợi*

-Đối với nước ta, việc đề ra và thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân

Đặng Thu Hương -

Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức ở mức độ cao, buộc chúng phải công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ các nước khu vực Đông Dương; làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương; giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc chiến tranh ở miền Nam; tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

-Đối với quốc tế, thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới; cùng với nhân dân Lào và Campuchia đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở ba nước Đông Dương, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

b. *Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm*

\*Nguyên nhân thắng lợi:

- Có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng, với đường lối kháng chiến đúng đắn đã huy động được sức mạnh toàn dân đánh giặc; có sự đoàn kết chiến đấu của toàn dân tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi – mặt trận Liên

Đặng Thu Hương -

Việt; được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công nông và trí thức vững chắc.

- Có lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân do Đảng ta trực tiếp lãnh đạo ngày càng vững mạnh, chiến đấu dũng cả, mưu lược, tài chí là lực lượng quyết định tiêu diệt địch trên chiến trường, đè bẹp ý chí xâm lược của địch, giải phóng đất đai của Tổ quốc.

- Có chính quyền dân chủ nhân dân không ngừng được củng cố và lớn mạnh, làm công cụ sắc bén cho tổ chức toàn dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

- Có sự liên minh đoàn kết chiến đấu chặt chẽ giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia cùng chống một kẻ thù chung; đồng thời có sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Trung Quốc, Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc yêu chuộng hoà bình trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp.

\*Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, đề ra đường lối đúng đắn và quán triệt sâu rộng đường lối đó cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thực hiện, đó là đường lối chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa trên sức mình là chính.

Thứ hai, kết hợp chặt chẽ, đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm móng cho chủ nghĩa xã hội,



Đặng Thu Hương -

trong đó nhiệm vụ tập trung hàng đầu là chống đế quốc, giải phóng dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Thứ ba, thực hiện phương châm vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng lớn mạnh để có tiềm lực mọi mặt đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

Thứ tư, quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ và lâu dài, đồng thời tích cực, chủ động đề ra và thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, đưa kháng chiến đến thắng lợi.

Thứ năm, tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

## **II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954 – 1975)**

### **1. Giai đoạn 1954 - 1964**

*a. Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7 – 1954*

Thuận lợi là hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nhất là của Liên Xô; phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển ở châu á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh; phong trào hoà bình,

Đặng Thu Hương -

dân chủ lên cao ở các nước t] bản; miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa chung cho cả nước; thế lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn sau 9 năm kháng chiến; có ý chí độc lập thống nhất tổ quốc của nhân dân từ Bắc chí Nam.

Khó khăn là đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh, âm mưu làm bá chủ thế giới với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng, thế giới đi vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; xuất hiện sự bất đồng trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc; đất nước bị chia làm hai miền, kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu, miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ và đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta.

*b. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối*

-Tháng 9 – 1954, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về “tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng”. Nghị quyết đã chỉ ra những đặc điểm chủ yếu của tình hình trong lúc cách mạng Việt Nam “bước vào một giai đoạn mới” là: “Từ chiến tranh chuyển sang hoà bình; nước nhà tạm chia làm hai miền; Từ nông thôn chuyển vào thành thị; từ phân tán chuyển thành tập trung”.

-Tại Hội nghị lần thứ bảy (tháng 3/1955) và lần thứ tám (tháng 8/1955), Trung ương Đảng nhận định: muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh ở miền nam.

-Tháng 12/1957, tại Hội nghị Trung ương lần thứ mười ba, Đảng ta xác định: “mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay là: củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập dân chủ bằng phương pháp hoà bình”.

-Tháng 1/1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 ra nghị quyết về cách mạng miền Nam. Hội nghị nhận định: cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo bao gồm hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hai nhiệm vụ chiến lược đó tuy tính chất khác nhau nhưng quan hệ hữu cơ với nhau... nhằm phương hướng chung là giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà, tạo điều kiện thuận lợi đưa đất nước Việt Nam tiến lên xã hội chủ nghĩa”.

→Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 có ý nghĩa lịch sử to lớn, chẳng những đã mở đường cho cách mạng miền Nam

Đặng Thu Hương -

tiến lên, mà còn thể hiện bản lĩnh độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng ta trong những năm tháng khó khăn của cách mạng.

-Đại hội lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 5 – 10/9/1960. Đại hội đã *hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam* trong thời kỳ mới. Cụ thể là:

- Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh gìn giữ hoà bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hoà bình ở Đông Nam á và thế giới.

-Nhiệm vụ chiến lược: cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện tại có cách mạng Việt Nam chiến lược: một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập dân chủ trong cả nước.

-Mục tiêu chiến lược: nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và nhiệm vụ cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược

Đặng Thu Hương -

khác nhau, mỗi nhiệm vụ nhằm giải quyết yêu cầu cụ thể ở mỗi miền trong hoàn cảnh nước nhà tạm bị chia cắt. Hai nhiệm vụ đó lại nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của cả nước giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng, thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hoà bình thống nhất Tổ quốc.

-Mối quan hệ của cách mạng hai miền: Do cùng thực hiện một mục tiêu chung cho nên “Hai nhiệm vụ chiến lược ấy có quan hệ mật thiết với nhau và có tác động thúc đẩy lẫn nhau.

-Vai trò, nhiệm vụ của cách mạng mỗi miền đối với cách mạng cả nước: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

-Con đường thống nhất đất nước: Trong khi tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, Đảng kiên trì con đường hoà bình thống nhất theo tinh thần Hiệp định Giơvevơ, sẵn sàng thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử hoà bình thống nhất Việt Nam, vì đó là con đường tránh được sự hao tổn xương máu cho dân tộc ta phù hợp với xu hướng chung của thế giới, nhưng chúng ta phải luôn luôn nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

-Triển vọng của cách mạng Việt Nam: cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, giann khổ, phức tạp và lâu dài, chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta. Nam Bắc nhất định sum họp một nhà, cả nước sẽ đi lên xã hội chủ nghĩa.

→Đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng do Đại hội lần thứ III của Đảng đề ra có ý nghĩa lý luận thực tiễn hết sức to lớn:

+ Đường lối đó thể hiện tư tưởng chiến lược của Đảng: gương cao ngọn cờ xã hội chủ nghĩa và độc lập dân tộc, vừa phù hợp với miền Bắc, vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước Việt Nam và tình hình quốc tế, nên đã huy động và kết hợp được sức mạnh của hậu phương và tiền tuyến. Sức mạnh cả nước và sức mạnh cách mạng trên thế giới, tranh thủ được cả sự đồng tình giúp đỡ của cả Liên Xô và Trung Quốc, do đó đã tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dân tộc ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

+Đặt trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế lúc bấy giờ, đường lối cách mạng Việt Nam đã thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng ta trong việc giải quyết các vấn đề không có tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế thời đại.

+Đường lối chiến lược chung cho cả nước và đường lối cách mạng ở mỗi miền là cơ sở để Đảng chỉ đạo nhân dân ta phấn đấu giành được những thành tựu to lớn cho quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thắng lợi chống các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam.

## **2. Giai đoạn 1965 – 1975**

### *a. Hoàn cảnh lịch sử*

-Từ đầu năm 1965, để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của chế độ Sài Gòn và sự phá sản của chiến tranh đặc biệt, đế quốc Mỹ đã ồ ạt đưa quân Mỹ và quân các nước chư hầu vào miền Nam, tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ với quy mô lớn; đồng thời dùng không quân, hải quân tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Trước tình hình đó, Đảng ta đã quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên cả nước.

-Thuận lợi của ta khi bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là cách mạng thế giới đang ở thế tiến công. Ở miền Bắc, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đạt và vượt các mục tiêu đã đề ra về kinh tế, văn hoá. Sự chi viện sức người, sức của ở miền Bắc cho cách mạng miền Nam được đẩy mạnh cả theo đường bộ và đường biển.

-Ở miền Nam, vượt qua những khó khăn trong những năm 1961 – 1962, từ năm 1963, cuộc đấu tranh của nhân dân ta đã có bước phát triển mới. Ba công cụ của “chiến tranh đặc biệt” (ngụy quân, ngụy quyền, ấp chiến lược và đụ thị) đều bị quân dân ta tiến công liên tục. Đến đầu 1965 chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ được triển khai ở mức cao nhất đã cơ bản bị phá sản.



-Khó khăn lúc này là sự bất đồng giữa Liên Xô và Trung Quốc càng trở nên gay gắt không có lợi cho cách mạng Việt Nam. Việc đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh cục bộ, ồ ạt đưa quân đội viễn chinh Mỹ và các nước chư hầu vào trực tiếp xâm lược miền Nam đã làm cho tương quan lực lượng trở nên bất lợi cho quân ta.

*b. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối*

-Khi Mỹ thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam. Các hội nghị của bộ chính trị đầu năm 1961 và đầu năm 1962 đã nêu chủ trương giữ vững và phát triển thế tiến công mà ta đã giành được sau cuộc “đồng khởi” năm 1960, đưa cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần phát triển thành chiến tranh cách mạng trên quy mô toàn miền. Bộ chính trị chủ trương kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, giữ vững và đẩy mạnh chiến tranh chính trị, đồng thời phát triển đấu tranh vũ trang lên thêm một bước mới, ngang tầm với đấu tranh chính trị. Thực hiện kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị song song, đẩy mạnh đánh địch bằng ba mũi giáp công; quân sự, chính trị, binh vận.

-Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ chín (11/1963), ngoài việc xác định đúng đắn quan điểm quốc tế, hướng hoạt động đối ngoại vào việc kết hợp sức mạnh dân tộc với

sức mạnh thời đại để đánh Mỹ và thắng Mỹ, còn quyết định nhiều vấn đề quan trọng về miền Nam. Hội nghị tiếp tục khẳng định đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang đi đôi, cả hai đều có vai trò quyết định cơ bản đồng thời nhấn mạnh yêu cầu mới của đấu tranh vũ trang. Đối với miền Bắc, Hội nghị tiếp tục xác định trách nhiệm căn cứ địa, hậu phương đối với cách mạng miền Nam, đồng thời nâng cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu đánh phá của địch.

-Trước hành động dây chuyền tranh cụt bộ ở miền Nam, tiến hành chiến tranh phá hoại ra miền Bắc của đế quốc Mỹ. Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3/1965 và lần thứ 12 (12/1965) đã tập trung đánh giá tình hình và đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên cả nước.

-Về nhận định tình hình và chủ trương chiến lược: Trung ương Đảng cho rằng cuộc “chiến tranh cụt bộ” mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là cuộc chiến tranh thực dân kiểu mới, buộc phải thực thi trong thế thua, thế thất bại và bị động, cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược. Từ sự phân tích và nhận định đó, Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Bắc chí Nam.

-Quyết tâm và mục tiêu chiến lược: nêu cao khẩu hiệu “quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà.

-Phương châm chỉ đạo chiến lược: tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh cục bộ của Mỹ ở miền Nam, đồng thời phát động cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc; thực hiện kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh và cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để tiếp tục mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

-Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc: Chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người, sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch

Đặng Thu Hương -

trong trường hợp chúng ta mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước.

-Nhiệm vụ và mối quan hệ giữa cuộc chiến đấu ở hai miền: trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ của cả nước, vì miền Bắc xã hội chủ nghĩa là hậu phương vững chắc cho cuộc chiến tranh chống Mỹ. Phải đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và gia sức tăng cường lực lượng miền Bắc về mọi mặt nhằm đảm bảo chi viện đặc lực cho miền Nam càng đánh càng mạnh. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau mà mật thiết gắn bó với nhau, khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là: “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

*ý nghĩa đường lối*

- Thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, phản ánh đúng đắn ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

- Thể hiện tư tưởng nắm vững, dâng cao ngọn cờ độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng trong

Đặng Thu Hương -

hoàn cảnh cả nước có chiến tranh ở mức độ khác nhau, phù hợp với thực tế đất nước và bối cảnh quốc tế.

- Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức đánh bại giặc Mỹ xâm lược.

### **3. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm**

#### **a. Kết quả**

miền Bắc, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, sau 21 năm nỗ lực phấn đấu, công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành công đáng tự hào. Một chế độ xã hội mới, chế độ xã hội chủ nghĩa bước đầu hình thành. Dù chiến tranh ác liệt, tổn thất nặng nề về con người, vật chất, song không có nạn đói, dịch bệnh và rối loạn xã hội. Văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục không những được duy trì mà còn có sự phát triển mạnh mẽ. Sản xuất nông nghiệp phát triển, công nghiệp được tăng cường.

Trong hai cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, quân dân

Đặng Thu Hương -

miền Bắc đã bảo vệ vững chắc địa bàn, vùng trời và vùng biển. Chiến thắng lịch sử của “Điện Biên Phủ trên không” trên bầu trời Hà Nội cuối năm 1972 là niềm tự hào to lớn của dân tộc ta, được nhân dân trên cả thế giới ngưỡng mộ.

Miền Bắc không chỉ chia lửa với các chiến trường mà còn hoàn thành xuất sắc vai trò của căn cứ địa cách mạng của cả nước và nhiệm vụ hậu phương lớn với chiến trường miền Nam.

Ở miền Nam. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Đảng, quân dân ta đã vượt qua mọi gian khổ hy sinh, bền bỉ và anh dũng chiến đấu, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Trong giai đoạn 1954 – 1960 đã đánh bại cuộc chiến tranh “đơn phương” của Mỹ – Ngụy, đưa cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công mạnh mẽ; giai đoạn 1961- 1965, đã giữ vững và phát triển thế tiến công, đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ; giai đoạn 1965 – 1968 đã đánh bại cuộc chiến tranh cục bộ của Mỹ và chư hầu, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Paris; giai đoạn 1969 – 1975, đã đánh bại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ và tay sai và đỉnh cao là đại thắng mùa Xuân năm 1975 và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đập tan toàn bộ chính quyền địch, buộc chúng

Đặng Thu Hương -

phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ xâm lược (tính từ 1954), đem lại độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước.

*b. ý nghĩa lịch sử*

*Đối với nước ta:*

- Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhân dân ta đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc ta, kỷ nguyên cả nước hoà bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược, đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần, thế và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, để lại niềm tự hào sâu sắc và những kinh nghiệm quý báu cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước giai đoạn sau.

Thắng lợi của dân tộc ta đối với đế quốc Mỹ xâm lược đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

*ý nghĩa đối với cách mạng thế giới:*

-Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới từ sau cuộc

Đặng Thu Hương -

chiên tranh Thế giới lần thứ 2, bảo vệ vững chắc tiến đồn phía Đông Nam á của chủ nghĩa xã hội.

- Đã làm phá sản các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, gây tổn thất to lớn và tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ trước mắt và lâu dài.

- Đã góp phần làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam á, mở ra sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới.

- Đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì mục tiêu độc lập, dân chủ tự do và hào bình phát triển của nhân dân thế giới.

### ***c. nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm***

#### ***Nguyên nhân thắng lợi***

- Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng Sản Việt Nam, người đại biểu trung thành cho những lợi ích sống còn của cả dân tộc Việt Nam, một Đảng có đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, sáng tạo.

- Có cuộc chiến đấu đầy gian khổ hy sinh của nhân dân và quân đội cả nước, đặc biệt là của cán bộ, chiến sĩ và hàng chục triệu đồng bào yêu nước ở miền Nam ngày đêm đối mặt với quân thù, xứng đáng với danh hiệu “ *Thành đồng Tổ quốc*”



Đặng Thu Hương -

- Có công cuộc xây dựng và bảo vệ hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa của đồng bào và chiến sĩ miền Bắc, một hậu phương vừa chiến đấu vừa xây dựng, hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ của hậu phương lớn, hết lòng hết sức chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

- Có tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia và sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em; sự ủng hộ nhiệt tình của chính phủ và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

#### *d. Bài học kinh nghiệm*

Một là, đề ra và thực hiện đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ. Đường lối đó thể hiện ý chí và nguyện vọng thiết tha của nhân dân miền Bắc, nhân dân miền Nam của cả dân tộc Việt Nam, phù hợp với các trào lưu của cách mạng thế giới, nên đã động viên đến mức cao nhất lực lượng của toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh của tiền tuyến lớn với hậu phương lớn, kết hợp sức mạnh của nhân dân ta với sức mạnh của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến đấu và chiến thắng giặc Mỹ xâm lược.

*Hai là*, tin tưởng vào sức mạnh dân tộc, kiên định tư tưởng chiến lược tiến công, quyết đánh và quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Tư tưởng đó là một nhân tố hết sức quan trọng để hoạch định đúng đắn đường lối chủ trương, biện pháp đánh Mỹ, nhân tố đưa cuộc chiến đấu của dân tộc ta đi tới thắng lợi.

*Ba là*, thực hiện chiến tranh nhân dân, tìm ra biện pháp chiến đấu đúng đắn sáng tạo. Để chống lại kẻ địch xâm lược hùng mạnh, phải thực hiện chiến tranh nhân dân. Đồng thời phải chú trọng tổng kết thực tiễn để tìm ra phương pháp đấu tranh, phương pháp chiến đấu đúng đắn, linh hoạt, sáng tạo.

*Bốn là*, trên cơ sở đường lối, chủ trương chiến lược chung đúng đắn phải có công tác tổ chức thực hiện giỏi của các cấp bộ Đảng trong Quân đội, của các ngành, các địa phương, thực hiện phương châm giành thắng lợi từng bước để đi tới thắng lợi hoàn toàn.

*Năm là*, phải hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở cả hậu phương và tiền tuyến; thực hiện liên minh ba nước Đông Dương và tranh thủ tối đa sự đồng tình ủng hộ ngày càng to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân và chính phủ các nước yêu hoà bình và công lý trên thế giới.

## **Chương IV**

### **đường lối Công nghiệp hoá**

#### **I. công nghiệp HẸA thỜI kỳ trước đổi mới**

##### **1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá**

###### **a. Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa**

Đường lối công nghiệp hoá đất nước đã được hình thành từ Đại hội III (tháng 9-1960) của Đảng. Trước thời kỳ đổi mới, nước ta có khoảng 25 năm tiến hành công nghiệp hoá theo hai giai đoạn: từ 1960 đến 1975 công nghiệp hoá ở miền Bắc và từ 1975-1985 công nghiệp hoá trên phạm vi cả nước,

*\*Ở miền Bắc, Đại hội III của Đảng khẳng định: muốn cải biến tình trạng kinh tế lạc hậu nước ta, không có con đường nào khác, ngoài con đường công nghiệp hoá chủ nghĩa xã hội, tức là khẳng định tính tất yếu của công nghiệp hoá đối với thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội cũng khẳng định để thực hiện được mục tiêu trên thì vấn đề quan trọng có tính chất quyết định là thực hiện trang bị kỹ thuật cho toàn bộ nền kinh tế quốc*

Đặng Thu Hương -

dân, thực hiện cơ giới hoá sản xuất, từ đó nâng cao năng suất lao động.

*Ngay từ đầu quá trình công nghiệp hoá, Đảng ta đã xác định công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Quan điểm đúng đắn này được khẳng định nhiều lần trong tất cả các Đại hội của Đảng.*

-Mục tiêu cơ bản của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa được Đại hội III xác định là xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối và hiện đại; bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đó là mục tiêu cơ bản, lâu dài, phải thực hiện qua nhiều giai đoạn.

-Về cơ cấu kinh tế, Đảng xác định: kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng.

-Về chỉ đạo thực hiện công nghiệp hoá, Hội nghị TW lần thứ 7 (khoá III) nêu phương hướng chỉ đạo xây dựng và phát triển công nghiệp là:

+ Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý.

+Kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp

+Ra sức phát triển công nghiệp nhẹ song song với việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Đặng Thu Hương -

+Ra sức phát triển công nghiệp trung ương, đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương.

*\*Trên phạm vi cả nước, Đại hội IV của Đảng (12-1976) nêu ra đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là: “Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp, vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất”.*

→ Từ thực tiễn chỉ đạo công nghiệp hoá 5 năm (1976-1981), Đảng rút ra kết luận: từ một nền sản xuất nhỏ đi lên, điều quan trọng là phải xác định đúng *bước đi* của công nghiệp hoá cho phù hợp với mục tiêu và khả năng của mỗi chặng đường,

\*Đại hội lần thứ V của Đảng (3-1982) đã xác định trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ của nước ta phải lấy nông nghiệp làm *mặt trận hàng đầu*, ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; việc xây dựng và phát

Đặng Thu Hương -

triển công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm có *mức độ, vừa sức*, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Đại hội V coi đó là *nội dung chính của công nghiệp hoá trong chặng đường trước mắt*.

### ***b. Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới***

- Công nghiệp hoá theo mô hình nền kinh tế *khép kín*, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng

- Chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên đất đai và nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa ; chủ lực thực hiện công nghiệp hoá là Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước; việc phân bổ nguồn lực để công nghiệp hoá chủ yếu bằng cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, trong một nền kinh tế phi thị trường.

- Nóng vội, giản đơn, chủ quan duy ý chí, ham làm nhanh, làm lớn, không quan tâm đến hiệu quả kinh tế xã hội.<sup>xviii</sup>

## ***2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân***

### ***a. kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa***

Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới diễn ra trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung, những tiền đề vật chất cần thiết cho công nghiệp hoá còn hết sức hạn chế và trong

Đặng Thu Hương -

điều kiện có chiến tranh phá hoại. Mặc dù vậy quá trình công nghiệp hoá vẫn đạt được những kết quả quan trọng.

So với năm 1995, số xí nghiệp tăng lên 16,5 lần. Nhiều khu công nghiệp lớn đã hình thành, đã có nhiều cơ sở đầu tiên của các ngành công nghiệp nặng quan trọng như điện, than, cơ khí, luyện kim, hoá chất được xây dựng.

Đã có hàng chục trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đã đào tạo được đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật xấp xỉ 43 vạn người, tăng 19 lần so với năm 1960 là thời điểm bắt đầu công nghiệp hoá.

### ***b. Hạn chế và nguyên nhân***

Cơ sở vật chất – kỹ thuật còn hết sức lạc hậu. Những ngành công nghiệp then chốt còn nhỏ bé và chưa được xây dựng đồng bộ, chưa đủ sức làm nền tảng cho nền kinh tế quốc dân.

Lực lượng sản xuất trong nông nghiệp mới chỉ bước đầu phát triển, nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho xã hội. Đất nước vẫn còn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển, rơi vào khủng hoảng kinh tế – xã hội.

Những hạn chế trên xuất phát từ nguyên nhân:

Về *khách quan* chúng ta tiến hành công nghiệp hoá từ một nền kinh tế lạc hậu, nghèo nàn và trong điều kiện chiến tranh kéo dài, vừa bị tàn phá nặng nề, vừa không thể tập trung sức người, sức của cho công nghiệp hoá.

Về *chủ quan* chúng ta đã mắc những sai lầm nghiêm trọng trong việc xác định mục tiêu, bước đi về cơ sở vật chất kỹ thuật, bố trí cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư... Đó là những sai lầm xuất phát từ chủ quan duy ý chí trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hoá.

## **II. công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới**

### **1. Quá trình đổi mới về tư duy công nghiệp hoá**

#### **a. Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hoá thời kỳ 1960-1986**

-Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” đã nghiêm khắc chỉ ra *những sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hoá* thời kỳ 1960-1985, mà trực tiếp là mười năm, từ 1975 đến 1985:

-Đại hội chỉ ra sai lầm trong việc xác định *mục tiêu* và *bước đi* về xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế... Do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, muốn *bỏ qua những bước đi cần thiết* nên



Đặng Thu Hương -

chúng ta chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hoá trong khi *chưa có đủ các tiền đề cần thiết*, mặt khác chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

-Trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu sản xuất và đầu tư, thường chỉ xuất phát từ lòng mong muốn đi nhanh, không kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu hợp lý, thiên về công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn, không tập trung sức giải quyết về căn bản vấn đề lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Kết quả là đầu tư nhiều nhưng hiệu quả thấp.

-Không thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết của Đại hội lần thứ V như : nông nghiệp vẫn chưa thật sự được coi là mặt trận hàng đầu, công nghiệp nặng không phục vụ kịp thời nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

### ***b. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá từ Đại hội VI đến Đại hội X***

-Đại hội VI đã cụ thể hoá nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là thực hiện cho bằng được 3 chương trình mục tiêu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ

Đặng Thu Hương -

quá độ. Đây là điểm khởi đầu hết sức quan trọng cho quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá ở Việt Nam.

- Hội nghị trung ương 7 (khoá VII) đến nay Đảng ta tiếp tục có những nhận thức mới, ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn về công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá.

-Đại hội VII của Đảng (6-1996) nhìn lại đất nước sau 10năm đổi mới đã nhận định: nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã *cơ bản hoàn thành* cho phép chuyển sang thời kỳ mới *đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*.

+Công nghiệp hoá, hiện đại hoá được quan niệm như sau:

+Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học, công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

-Đến Đại hội IX (4-2001) và Đại hội X (4-2006), Đảng ta tiếp tục bổ xung và nhấn mạnh một số điểm mới trong tư duy về công nghiệp hoá:

Đặng Thu Hương -

+ *Con đường công nghiệp hoá ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước.*

+ *tiến hành công nghiệp hoá theo lối rút ngắn so với các nước đi trước, chúng ta cần thực hiện các yêu cầu như: Phát triển kinh tế và công nghệ phải có những bước tuần tự, vừa có những bước nhảy vọt; phát huy những lợi thế của đất nước, gắn công nghiệp hoá với hiện đại hoá, từng bước phát triển kinh tế tri thức; phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của con người Việt Nam, đặc biệt coi trọng phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xem đây là nền tảng và động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá.*

+ *Hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta là phải phát triển nhanh và có hiệu quả các sản phẩm, các ngành, các lĩnh vực có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.*

+ *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phải đảm bảo xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tức là phải tiến hành công nghiệp hoá trong một nền kinh tế mở, hướng ngoại.*

+ *Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn với việc nâng cao năng xuất, chất lượng, sản phẩm nông nghiệp.*

+Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải tính toán đến yêu cầu phát triển bền vững tương lai.

## **2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá.**

### **a. Mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá**

Mục tiêu lâu dài của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Đại hội X xác định mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tập nện tăng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

### **b. Quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá**

*Một là, công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá và công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.*

*Hai là, công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.*

*Ba là, lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững*

*Bốn là, coi phát triển khoa học công nghệ là nền tảng, là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá*

*Năm là, phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.*

### **3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.**

#### **a. Nội dung**

Nội dung cơ bản của quá trình này là:

- Phát triển mạnh vào các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức, kết hợp sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại.

- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước, ở từng vùng, từng địa phương, từng dự án kinh tế-xã hội.

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ.

Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành, lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

***b. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.***

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp:

+ *Chuyển mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; đẩy nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá, phù hợp đặc điểm từng vùng, từng địa phương.*

+ *Tăng nhanh tỉ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ; giảm dần tỉ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp.*

- Về quy hoạch phát triển nông thôn:

+ *Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Xây dựng các làng, xã, ấp, bản có cuộc sống lo đủ, văn minh, môi trường lành mạnh.*

+ *Hình thành các khu dân cư đô thị với kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ như thuỷ lợi, giao thông, điện, nước*

Đặng Thu Hương -

sạch, cụm công nghiệp, trường học, trạm y tế, bưu điện, chợ...

+ *Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hoá, nâng cao trình độ dân trí, bài trừ các tệ nạn xã hội, hủ tục, mê tín dị đoan, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.*

- Về giải quyết lao động, việc làm ở nông thôn:

+ *Chú trọng dạy nghề, giải quyết việc làm cho nông dân, trước hết ở các vùng sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ, giao thông, các khu đô thị mới. Chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỉ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện để lao động nông thôn có việc làm trong và ngoài khu vực nông thôn, kể cả lao động nước ngoài.*

+ *Đầu tư mạnh hơn cho các chương trình xoá đói giảm nghèo, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.*

*Hai là, phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.*

- Đối với công nghiệp và xây dựng:

+ *Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công*

Đặng Thu Hương -

nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động; phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế, nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp, khu chế xuất.

+Tích cực thu hút vốn trong và ngoài nước để đầu tư thực hiện các dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu và hoá dầu luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng. Có chính sách hạn chế xuất khẩu tài nguyên thô. Thu hút chuyên gia giỏi, cao cấp của nước ngoài và trong cộng đồng người Việt định cư ở nước ngoài.

+Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật kinh tế – xã hội nhất là các sân bay quốc tế, cảng biển, đường cao tốc, đường ven biển, đường đông tây, mạng lưới cung cấp điện, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ở các đô thị lớn, hệ thống thuỷ lợi, cấp thoát nước. Phát triển công nghiệp năng lượng gắn với công nghệ tiết kiệm năng lượng. Tăng nhanh năng lực và hiện đại hoá bưu chính – viễn thông.

- Đối với dịch vụ:

+Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ truyền thống như vận tải, thương mại, ngân hàng, bưu chính viễn thông, du lịch. Phát triển mạnh các dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, phục vụ đời sống ở khu vực nông thôn.



Đổi mới căn bản cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng. Nhà nước kiểm soát chặt chẽ độc quyền và tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia và cạnh tranh bình đẳng trên thị trường dịch vụ.

*Ba là, phát triển kinh tế vùng*

+Có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển nhanh hơn trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý của mỗi vùng và liên vùng, đồng thời tạo ra sự liên kết giữa các vùng nhằm đem lại hiệu quả cao, khắc phục tình trạng chia cắt, khép kín theo địa giới hành chính.

+Xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam thành những trung tâm công nghiệp lớn có công nghệ cao để các vùng này đóng góp ngày càng lớn cho sự phát triển chung của cả nước.

+Có chính sách trợ giúp nhiều hơn về nguồn lực để phát triển các vùng khó khăn. Bổ xung chính sách khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và doanh nghiệp nước ngoài đến đầu tư, kinh doanh tại các vùng khó khăn.

*Bốn là, phát triển kinh tế biển*

-Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm. Sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh và hợp tác quốc tế.

-Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế biến hải sản, phát triển du lịch biển, đảo. Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp đóng tàu biển, đồng thời hình thành một số hành lang kinh tế ven biển.

*Năm là, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ*

- Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo đến năm 2010 có nguồn nhân lực với cơ cấu đồng bộ và chất lượng cao, tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp còn dưới 50% lực lượng lao động xã hội.

- Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học và công nghệ. Lựa chọn và đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số ngành, lĩnh vực then chốt. Chú trọng phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả, trong từng ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

Đặng Thu Hương -

- Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo để thực sự phát huy vai trò quốc sách hàng đầu, tạo động lực đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức. Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

- Đổi mới cơ bản cơ chế quản lý khoa học công nghệ đặc biệt là cơ chế tài chính cho phù hợp với đặc thù sáng tạo và khả năng rủi ro của hoạt động khoa học và công nghệ.

*Sáu là, bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên*

- Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia, nhất là các tài nguyên đất, nước, khoáng sản và rừng. Ngăn chặn các hành vi huỷ hoại và gây ô nhiễm môi trường, khắc phục tình trạng xuống cấp môi trường ở các lưu vực sông, đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, nơi đông dân cư và có nhiều hoạt động kinh tế.

- Từng bước hiện đại hoá công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn, chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

- Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hoá với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.

- Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên, chú trọng lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

#### **4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

##### **a. Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa**

Một là, cơ sở vật chất – kỹ thuật của đất nước được tăng cường đáng kể, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng cao. Từ một nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu, cơ sở vật chất yếu kém đi lên, đến nay cả nước đã có hơn 100 khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung, nhiều khu hoạt động có hiệu quả; tỷ lệ ngành công nghiệp chế tác, cơ khí chế tạo và nội địa hoá sản phẩm ngày càng tăng

Hai là, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã đạt được những kết quả quan trọng: tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng, tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm (giai đoạn 2001 – 2005, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng từ 36,7% năm 2000 lên 41% năm 2005; còn tỷ trọng của nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 24,5% năm 2000 xuống còn 20,9% năm 2005).

Cơ cấu kinh tế vùng đã có sự điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế so sánh của từng vùng. Các vùng kinh tế trọng điểm phát triển khá nhanh đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng và là đầu tàu của nền kinh tế.

Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu.

Cơ cấu lao động đã có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Từ năm 2000 đến 2005, tỷ trọng lao động trong công nghiệp và xây dựng tăng từ 12,1% lên 17,9%; dịch vụ tăng từ 19,7% lên 25,3%; nông lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 68,2% xuống còn 56,8%; lao động qua đào tạo tăng từ 20% lên 25%.

Ba là, những thành tựu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã góp phần quan trọng đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân từ năm 2000 đến nay đạt trên 7,5%/ năm. Điều đó đã góp phần quan trọng vào công tác xoá đói, giảm nghèo. Thu nhập đầu người bình quân hàng năm tăng lên đáng kể. Năm 2005, đạt 640USD/người. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện.

### ***b. Hạn chế và nguyên nhân***

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn thấp so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực thời kỳ đầu công

Đặng Thu Hương -

ng nghiệp hoá. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, vào các ngành công nghệ thấp, tiêu hao vật chất cao, sử dụng nhiều tài nguyên, vốn và lao động. Năng suất lao động còn thấp so với nhiều nước trong khu vực.

- Nguồn lực của nhà nước chưa được sử dụng có hiệu quả; tài nguyên, đất đai và các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước còn bị lãng phí, thất thoát nghiêm trọng. Nhiều nguồn lực trong dân chưa được phát huy.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Trong công nghiệp các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao còn ít. Trong nông nghiệp sản xuất chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường. Nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn còn thiếu cụ thể. Chất lượng nguồn nhân lực của đất nước còn thấp. Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn cao, tỷ trọng lao động qua đào tạo còn thấp, lao động thiếu việc làm và không việc làm còn nhiều.

- Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh để đi nhanh vào cơ cấu kinh tế hiện đại. Kinh tế vùng chưa có sự liên kết chặt chẽ, hiệu quả thấp và chưa được quan tâm đúng mức.

- Cơ cấu thành phần kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chưa tạo được đầy đủ môi trường hợp tác,

Đặng Thu Hương -

cạnh tranh bình đẳng và khả năng phát triển của các thành phần kinh tế.

- Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý. Công tác quy hoạch chất lượng thấp, quản lý kém, chưa phù hợp với cơ chế thị trường.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Nhìn chung, mặc dù đã cố gắng đầu tư, nhưng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ chưa đáp ứng được yêu cầu, làm hạn chế sự phát triển kinh tế, xã hội.

➔ Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan như:

- Nhiều chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và sử dụng được tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển kinh tế – xã hội.

- Cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả, công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện yếu kém.

Ngoài các nguyên nhân chung nói trên, còn có các nguyên nhân cụ thể, trực tiếp như: công tác quy hoạch chất lượng kém, nhiều bất hợp lý dẫn đến quy hoạch “Treo” khá phổ biến gây lãng phí nghiêm trọng; cơ cấu đầu tư bất hợp lý

Đặng Thu Hương -

làm cho đầu tư kém hiệu quả, công tác quản lý yếu kém gây lãng phí, thất thoát, tệ tham nhũng nghiêm trọng.

## **Chương V**

### **Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng**

**xã hội chủ nghĩa**

#### **I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường**

##### **1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới**

###### **a. Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp**

Trước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nước ta là cơ chế kế hoạch hoá tập trung với những đặc điểm chủ yếu là:

Thứ nhất, nhà nước quản lý nền kinh tế chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chi tiết từ trên xuống dưới.



Thứ 2, các cơ quan hành chính can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhưng lại không chịu trách nhiệm gì về vật chất đối với quyết định của mình.

Thứ ba, quan hệ hàng hoá, tiền tệ bị coi nhẹ, chỉ là hình thức quan hệ hiện vật là chủ yếu. Nhà nước quản lý kinh tế thông qua chế độ “cấp phát, giao nộp”.

Thứ tư, bộ máy quản lý công kênh, nhiều cấp trung gian vừa kém năng động vừa sinh ra đội ngũ quản lý kém năng lực, phong cách cửa quyền, quan liêu.

\*Chế độ bao cấp được thực hiện dưới các hình thức chủ yếu sau:

*Bao cấp qua giá:* Nhà nước quyết định giá trị tài sản, thiết bị, vật tư, hàng hoá thấp hơn giá trị thực của chúng nhiều lần so với giá thị trường, do đó, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức.

*Bao cấp qua chế độ tem phiếu:* Nhà nước quy định chế độ phân phối vật phẩm tiêu dùng cho cán bộ, công nhân viên, công nhân theo định mức qua hình thức tem phiếu. Chế độ tem phiếu với mức giá khác xa so với mức thị trường đã biến chế độ tiền lương thành lương hiện vật, thủ tiêu động lực kích thích người lao động và phá vỡ nguyên tắc phân phối theo lao động.

*Bao cấp theo chế độ cấp phát vốn của ngân sách , nhưng không có chế tài ràng buộc trách nhiệm vật chất đối với các đơn vị được cấp vốn. Điều đó vừa làm tăng gánh nặng đối với ngân sách nhà nước vừa làm cho việc sử dụng vốn kém hiệu quả, nảy sinh cơ chế “xin – cho”.*

*b. Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế*

Dưới áp lực của tình thế khách quan, nhằm thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, chúng ta đã có những bước cải tiến nền kinh tế theo hướng thị trường, tuy nhiên còn chưa toàn diện, chưa triệt để. Đó là khoán sản phẩm trong nông nghiệp theo chỉ thị 100 – CT/TW của ban bí thư trung ương khóa IV; bù giá vào lương ở Long An; Nghị quyết TW8 khóa V (1985) về giá - lương – tiền; thực hiện nghị định 25 và nghị định 26 – CP của Chính phủ ... Tuy vậy, đó là những căn cứ thực tế để Đảng đi đến quyết định thay đổi cơ chế quản lý kinh tế.

Đề cập sự cần thiết đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, Đại hội VI khẳng định: “Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng,

Đặng Thu Hương -

hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông và đẻ ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội”. Chính vì vậy, việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trở thành nhu cầu cần thiết và cấp bách.

## **2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới**

*a. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ đại hội VI đến Đại hội VIII*

*Một là, Kinh tế thị trường không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại.*

*Hai là, kinh tế thị trường còn tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.*

*Ba là, có thể và sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.*

*\*Kinh tế thị trường cũng có những đặc điểm chủ yếu sau:*

*- Các chủ thể kinh tế có liên quan đến vấn đề tự do đi lại, tự do kinh doanh... liên quan đến thể chế quản lý, có tính độc lập, có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, lỗ, lãi tự chịu (sản xuất cái gì, cho ai, như thế nào do chủ đơn vị sản xuất kinh doanh quyết định).*

Đặng Thu Hương -

- Giá cả cơ bản do cung cầu điều tiết, hệ thống thị trường phát triển đồng bộ và hoàn hảo.

-Nền kinh tế có tính mở cao và vận hành theo quy luật vốn có của kinh tế thị trường như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh.

- Có hệ thống pháp quy kiện toàn và sự quản lý vĩ mô của nhà nước.

*b. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X*

-Đại hội IX của Đảng (3 – 2001) xác định nền kinh tế thị trường định hướng chủ nghĩa xã hội là mô hình kinh tế tổng quát ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng chủ nghĩa xã hội. → Vậy thế nào là kinh tế thị trường định hướng chủ nghĩa xã hội? Đại hội IX xác định kinh tế thị trường định hướng chủ nghĩa xã hội là “một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội”. Còn tính “định hướng chủ nghĩa xã hội” được thể hiện trên cả ba mặt của quan hệ sản xuất: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối, nhằm mục đích cuối cùng là “dân giàu, nước mạnh, tiến lên

Đặng Thu Hương -

hiện đại trong một xã hội do nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hoá, có kỷ cương, xoá bỏ áp bức bất công, tạo điều kiện cho mọi người dân được ấm no, tự do, hạnh phúc”. Tính “định hướng chủ nghĩa xã hội” làm cho mô hình kinh tế thị trường ở nước ta khác với kinh tế thị trường chủ nghĩa tư bản.

- Đại hội X đã làm sáng tỏ thêm nội dung cơ bản của định hướng chủ nghĩa xã hội trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta, thể hiện ở bốn tiêu chí là:

+Về mục đích phát triển: Mục tiêu của kinh tế thị trường định hướng chủ nghĩa xã hội ở nước ta nhằm thực hiện “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh; giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xoá đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

+Mục tiêu trên thể hiện rõ mục đích phát triển kinh tế vì con người, giải phóng lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để nâng cao đời sống cho mọi người, mọi người đều được hưởng những thành quả phát triển, ở đây thể hiện sự khác biệt với mục đích tất cả vì lợi nhuận phục vụ lợi ích của các nhà tư bản, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa tư bản.

+Về phương hướng phát triển: Phát triển các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước góp vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của kinh tế quốc dân.

+Phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế là nhằm giải phóng mọi tiềm năng để phát triển cho mọi thành phần kinh tế, trong mỗi cá nhân và mọi vùng miền... phát huy tối đa nội lực để phát triển nhanh nền kinh tế. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là công cụ chủ yếu để nhà nước điều tiết nền kinh tế, định hướng cho sự phát triển vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.

+Về định hướng xã hội và phân phối: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ với phát triển xã hội, văn hoá, giáo dục và đào tạo, giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người.

+Quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội vừa đảm bảo sự phát triển bền vững, vừa hiện rõ định hướng chủ nghĩa xã hội của nền kinh tế, hạn chế những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, thực hiện mục tiêu phát triển con người.

+Trong lĩnh vực phân phối, định hướng chủ nghĩa xã hội được thể hiện qua chế độ phân phối chủ yếu qua kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội. Đồng thời để huy động mọi nguồn lực kinh tế cho sự phát triển còn thực hiện phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác.

+Về quản lý, phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, đảm bảo vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của nhà nước pháp quyền chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

## **II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.**

### **1. Quan điểm cơ bản và mục tiêu.**

#### **a. quan điểm cơ bản:**

-Thể chế kinh tế thị trường là một tổng thể bao gồm các quy tắc, luật lệ và hệ thống các thực thể, tổ chức kinh tế được tạo lập nhằm điều chỉnh hoạt động giao dịch, trao đổi trên thị trường.

-Thể chế kinh tế thị trường bao gồm:

+Các quy tắc về hành vi kinh tế diễn ra trên thị trường – các bên tham gia thị trường với tư cách là các chủ thể thị trường.

+Cách thức thực hiện các quy tắc nhằm đạt được mục tiêu hay kết quả mà các bên tham gia thị trường mong muốn.

+Các thị trường – nơi hàng hoá được giao dịch, trao đổi trên cơ sở các yêu cầu, quy định của luật lệ (các thị trường quan trọng như hàng hoá và dịch vụ, vốn, lao động, công nghệ, bất động sản...).

-Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vừa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường vừa chịu sự chi phối của các yếu tố đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, thể chế kinh tế thị trường, trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành được tự giác tạo lập và sử dụng để phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

*b. Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Mục tiêu cơ bản của hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là làm cho nó phù hợp với nguyên tắc cơ bản của ktt thị trường, thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công



Đặng Thu Hương -

bằng, dân chủ, văn minh”, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu này yêu cầu phải hoàn thành cơ bản vào năm 2020.

Đến năm 2010, cần đạt các mục tiêu:

*Một là:* từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật, đảm bảo cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển thuận lợi. Phát huy vai trò chủ đạo của nền kinh tế nhà nước đi đôi với phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp. Hình thành một số tập đoàn kinh tế, các tổng công ty đa sở hữu, áp dụng mô hình quản trị hiện đại, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

*Hai là,* đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị.

*Ba là,* phát triển đồng bộ, đa dạng các loại thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới.

*Bốn là,* giải quyết tốt hơn các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

*Năm là,* nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước và phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể

Đặng Thu Hương -

chính trị, xã hội và nhân dân trong quản lý, phát triển kinh tế xã hội.

*c. Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.*

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế, giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường, giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội, giữa nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá và bảo vệ môi trường.

- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc, đồng thời phải có những bước đi vững chắc, vừa làm tổng kết rút kinh nghiệm.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

## **2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN**

a. *Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là làm cho nó phù hợp với các yêu cầu và nguyên tắc của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, làm cho nó vận hành thông suốt và có hiệu quả. Do đó muốn hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì trước hết phải có sự thống nhất về nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Một số điểm cần thống nhất là: Chúng ta cần thiết sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng xã hội chủ nghĩa; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của xã hội chủ nghĩa và các yếu tố đảm bảo sự định hướng xã hội chủ nghĩa.

*b. Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình kinh doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh*

-Hoàn thiện thể chế về sở hữu

→ Phương hướng cơ bản của hoàn thiện thể chế sở hữu là:

+ Khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân mà đại diện là nhà nước, đồng thời đảm bảo tôn trọng các quyền của người sử dụng đất.

+Tách biệt vai trò của nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền quản lý toàn bộ nền kinh tế – xã hội với vai trò sở hữu tài sản, vốn của nhà nước, tách chức năng sở hữu tài sản, vốn của nhà nước với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước.

+Quy định rõ, cụ thể về quyền của chủ sở hữu và những người liên quan đối với các loại tài sản. Đồng thời quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của họ đối với xã hội. Bổ sung luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sở hữu tập thể, các hợp tác xã, bảo vệ quyền và lợi ích của các xã viên đối với tài sản. Tạo cơ chế khuyến khích liên kết giữa sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, làm cho chế độ sở hữu cổ phần, sở hữu hỗn

Đặng Thu Hương -

hợp trở thành hình thức sở hữu chủ yếu của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

+Ban hành các quy định pháp lý về quyền sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

-Hoàn thiện thể chế về phân phối:

+Hoàn thiện luật pháp, cơ chế chính sách về phân bổ nguồn lực, phân phối và phân phối lại theo hướng đảm bảo tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển.

+ Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế, đổi mới sắp xếp lại, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước để phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thu hẹp các lĩnh vực độc quyền của nhà nước.

+Đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác theo quy chế thị trường, theo nguyên tắc: tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi và phát triển cộng đồng. Thực hiện nghiêm túc, nhất quán một mặt bằng pháp lý kinh doanh không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế...

+Đổi mới cơ chế quản lý của nhà nước để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả.

*c. Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường*

- Hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh. Hoàn thiện khung pháp lý cho ký kết và thực hiện hợp đồng. Đồng thời hoàn thiện cơ chế giám sát, điều tiết thị trường và xúc tiến thương mại, đầu tư và giải quyết tranh chấp phù hợp với kinh tế thị trường và cam kết quốc tế. Đa dạng hoá các loại thị trường hàng hoá và dịch vụ theo hướng hiện đại, chú trọng phát triển thị trường dịch vụ. Tự do hoá thương mại và đầu tư phù hợp với cam kết quốc tế. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường và tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hoá, dịch vụ và xử lý sai phạm. Phát huy tốt vai trò điều hành tiền tệ của ngân hàng nhà nước vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vừa kiểm soát lạm phát và từng bước mở rộng thị trường tín dụng, các dịch vụ ngân hàng cho phù hợp với cam kết quốc tế.

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách cho hoạt động và phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán, tăng tính minh bạch, chống các giao dịch phi pháp, các hành vi rửa tiền, nhiễu loạn thị trường. Tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp bảo hiểm thuộc các thành phần kinh tế, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các sản phẩm

Đặng Thu Hương -

bảo hiểm, thực hiện lộ trình mở cửa thị trường bảo hiểm theo cam kết hội nhập quốc tế; hoàn thiện luật pháp, cơ chế chính sách để các quyền về đất đai và bất động sản vận động theo quy chế thị trường; hoàn thiện luật pháp chính sách về tiền lương, tiền công, trong đó tiền lương phải được coi là giá cả của sức lao động hình thành theo quy luật thị trường, dựa trên cung cầu về sức lao động.

- Xây dựng đồng bộ luật pháp, cơ chế, chính sách quản lý, hỗ trợ các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ phù hợp cơ chế thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý thị trường công nghệ, nhà nước tăng đầu tư và đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá cho các ngành giáo dục, thể dục thể thao, văn hoá... Nhà nước ban hành tiêu chuẩn, tiêu chí về các hoạt động dịch vụ này, tăng cường quản lý nhà nước để hạn chế các mặt trái của cơ chế thị trường đối với các hoạt động dịch vụ.

*d. Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường.*

- Thực hiện chính sách làm giàu đi đôi với tích cực thực hiện giảm nghèo, đặc biệt ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc, các căn cứ cách mạng trước đây. Chính sách

Đặng Thu Hương -

giảm nghèo nhằm mục tiêu Ổn định và là động lực cho sự phát triển. Chính sách đó tạo điều kiện để mọi công dân có cơ hội làm ăn, nâng cao thu nhập đời sống, được hưởng thành quả chung của sự phát triển.

- Xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa dạng và linh hoạt phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mở rộng các hình thức bảo hiểm bắt buộc và tự nguyện, bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm. Chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội; đảm bảo cho họ có cuộc sống ổn định, hoà nhập tốt hơn vào cuộc sống và tự vươn lên. Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tự nguyện, nhân đạo, hoạt động, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Hoàn thiện luật pháp, chính sách về bảo vệ môi trường, có chế tài đủ mạnh đối với các trường hợp vi phạm, xử lý triệt để những ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ngăn chặn không để phát sinh thêm.

*e. Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội.*

- Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện rõ ở chỗ chỉ đạo nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để xác định rõ, cụ



Đặng Thu Hương -

thể và đầy đủ hơn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt những nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa để tạo ra sự đồng thuận trong xã hội.

- Đổi mới và nâng cao vai trò, hiệu lực quản lý kinh tế của nhà nước. Vai trò kinh tế của nhà nước thể hiện rõ ở chỗ phát huy mặt tích cực và hạn chế, ngăn ngừa mặt trái của cơ chế thị trường, tạo điều kiện thuận lợi để nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả.

- Các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp và nhân dân có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Để phát huy vai trò của họ, nhà nước phải tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để các hình thức tổ chức và nhân dân tham gia tích cực và có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi, giám sát thực hiện luật pháp, các chủ trương phát triển kinh tế – xã hội.

### **3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

#### **a. Kết quả và ý nghĩa**

Một là, sau hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch tập trung quan liêu – bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế

Đặng Thu Hương -

hoá thành pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển.

Hai là, Chế độ sở hữu với nhiều hình thức và cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được hình thành: từ sở hữu toàn dân và tập thể, từ sở hữu quốc doanh và hợp tác xã là chủ yếu đã chuyển sang hình thức sở hữu nhiều thành phần kinh tế đan xen, hỗn hợp trong đó sở hữu toàn dân những tư liệu sản xuất chủ yếu và kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Điều đó đã tạo ra động lực và điều kiện thuận lợi cho giải phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế – xã hội.

Ba là, các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước đã và đang đi vào cuộc sống thay cho cơ chế kế hoạch hoá tập trung. Các doanh nghiệp, doanh nhân được tự chủ sản xuất, kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh.

Bốn là, việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, xoá đói, giảm nghèo đạt nhiều kết quả tích cực.

#### *b. Hạn chế và nguyên nhân*

Bên cạnh những kết quả, vẫn còn những hạn chế như:

Đặng Thu Hương -

-Quốc trởnh xõy dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ chưa đồng bộ và thống nhất.

-Vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối trong doanh nghiệp nhà nước chưa giải quyết tốt, gây khó khăn cho sự phát triển và làm thất thoát tài sản nhà nước nhất là khi cổ phần hoá. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác cũn bị phân biệt đối xử. Việc xử lý các vấn đề liên quan đến đất đai cũn nhiều vướng mắc. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường hõnh thành,phỏt triển chậm, thiếu đồng bộ , vận hành chưa thông suốt. Thị trường tài chính, bất động sản, khoa học và công nghệ phát triển chậm , quản lý nhà nước đối với các loại thị trường cũn nhiều bất cập. Phõn bổ nguồn lực quốc gia chưa hợp lý.

-cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy nhà nước cũn nhiều bất cập, hiệu quả, hiệu lực quản lý cũn thấp. Cải cách hành chính chậm, chưa đạt yêu cầu mục tiêu đề ra. Tệ tham nhũng , lóng phỏ, quan liờu vẫn nghiờm trọng.

-Cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực văn hoá... xã hội đổi mới chậm, chất lượng dịch vụ, y tế , giáo dục, đào tạo cũn thấp. Khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư

Đặng Thu Hương -

và các vùng ngày càng lớn. Hệ thống an ninh xó hội cũn sơ khai. Nhiều vấn đề bức xýc trong xó hội và bảo vệ môi trường chưa được giải quyết tốt.

*Những hạn chế trờn xuất phỏt từ cỏc nguyờn nhõn:*

Việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xó hội chủ nghĩa là vấn đề hoàn toàn mới chưa có tiền lệ trong lịch sử. Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xó hội chủ nghĩa cũn nhiều hạn chế do cụng tỏc lý luận chưa theo kịp ðũi hỏi của thực tiễn.

Năng lực thể chế hoá và quản lý, tổ chức thực hiện của Nhà nước cũn chậm, nhất là trong việc giải quyết cỏc vấn đề xó hội bức xýc.

Vai trũ tham gia hoạch ðịnh chính sách thực hiện và giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các ðoàn thể hành chính, các tổ chức xó hội, nghề nghiệp cũn yếu.

## **Chương VI**

### **Đường lối xây dựng hệ thống chính trị**

#### **I. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KÈ TRƯỚC ĐỔI MỚI(1975-1986)**

##### ***1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng***

###### ***a. Hoàn cảnh lịch sử***

-Cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng, có nền chuyên chính vô sản đó được thử thách, có khối liên minh rộng vững chắc làm nền tảng cho Mặt Trận Dân Tộc thống nhất (sau này là Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam) Và chính quyền công mạng của nhân dân.

- Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là vượt qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. “Xuất phát từ một nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ của chúng ta là phải tạo ra xã hội xã hội chủ nghĩa từ gốc đến ngọn: phải tạo ra năng cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới; phải tạo

Đặng Thu Hương -

ra cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới và những quan hệ xã hội mới; phải tạo ra cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới; phải tạo ra cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới và những quan hệ sản xuất mới; phải tạo ra cả đời sống vật chất mới lẫn đời sống tinh thần và văn hoá mới.

-“Nước ta tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong một *hoàn cảnh quốc tế thuận lợi*. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đó và đang lớn mạnh không ngừng; phong trào độc lập dân tộc và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân đang trên đà phát triển mạnh mẽ...Trên thế giới đang diễn ra cuộc cách mạng mới về khoa học – kỹ thuật. Quan hệ về kinh tế và khoa học, kỹ thuật giữa các nước ngày càng mở rộng.

### ***b.Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị***

#### ***\*Cơ sở hình thành chủ trương:***

**Một là**, lý luận Mác- Lênin Về thời kỳ quá độ và chuyên chính vô sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải tiến cách mạng từ xã hội nô đến xã hội kia.Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị,và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản.

**Hai là**, đường lối chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới

Đặng Thu Hương -

Trong báo cáo chính trị của Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (năm 1976) về đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta viết: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân lao động; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt.

Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ V ( năm 1982 ) Đảng ta tiếp tục khẳng định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại Hội IV đề ra.

Văn kiện Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI(1986), khi đánh giá về thực hiện chuyên chính vô sản , Đảng ta đó phê phán: Tồn trạng *buụng lỏng chuyờn chớnh vụ sản* thể hiện ở nhiều mặt trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, quản lý kinh tế, xã hội, đấu tranh tư tưởng, văn hoá trong việc chống lại những âm mưu , thủ đoạn phá hoại của kẻ thù.

**Ba là**, cơ sở chính trị của hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta được hình thành từ năm 1930 và bắt rễ vững chắc trong lòng dân tộc và xã hội.

**Bốn là**, cơ sở kinh tế của hệ thống chuyên chính vô sản là nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.

Đặng Thu Hương -

**Năm là**, cơ sở xó hội của hệ thống chuyên chính vô sản là liên minh giai cấp của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

**Sáu là**, cơ sở lịch sử cho sự ra đời của hệ thống chuyên chính vô sản giai đoạn 1975-1986

**\*Nội dung chủ trương xây dựng hệ thống chính trị:**

**Một là**, xây dựng quyền làm chủ của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng dựa trên nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp, được thực hiện chủ yếu bằng Nhà nước, đồng thời được thực hiện bằng hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

**Hai là**, xác định Nhà nước trong chế độ làm chủ tập thể là Nhà nước chuyên chính vô sản, một tổ chức thực hiện quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, một tổ chức thông qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với tiến trình phát triển của xó hội.

**Ba là**, xác định Đảng là người lãnh đạo toàn bộ hoạt động xó hội trong điều kiện chuyên chính vô sản. Sự lãnh đạo của Đảng là bảo đảm cao nhất cho chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, cho sự tồn tại và hoạt động của nhà nước xó hội chủ nghĩa.

**Bốn là**, xác định nhiệm vụ chung của các đoàn thể là đảm bảo cho quần chúng tham gia và kiểm tra công việc của nhà



Đặng Thu Hương -

nước, đồng thời là trường học về chủ nghĩa xã hội. Vai trò và sức mạnh của các đoàn thể chính là ở khả năng tập hợp quần chúng, hiểu rõ tâm tư và nguyện vọng của quần chúng, nâng cao giác ngộ chủ nghĩa xã hội cho quần chúng.

**Năm là**, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động theo cơ chế Đảng lãnh đạo nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

## **2. Kết quả , ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

### **a. Kết quả và ý nghĩa**

Trong giai đoạn này Đảng đó coi làm chủ tập thể xã hội là *bản chất* của hệ thống chính trị, đó xây dựng mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý thành cơ chế chung trong hoạt động của hệ thống chính trị ở tất cả các cấp các địa phương.

Đó khắc phục được khá nhiều cách hiểu, cách làm chuyên chính cực tả, cực đoan đã từng diễn ra trong những năm trước đây.

### **b. hạn chế và nguyên nhân**

Trong hệ thống chuyên chính vô sản giai đoạn này, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ở từng cấp, từng đơn vị chưa được xác định thật rõ ; mỗi bộ phận, mỗi tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản chưa làm tốt chức năng

Đặng Thu Hương -

của mỗnh. Chế độ trách nhiệm không nghiêm, pháp chế xó hội chủ nghĩa cũn nhiều thiếu sút.

## **II. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

### **1. Quỏ trởnh hỡnh thành đường lối mới hệ thống chính trị**

#### **a. cơ sở hỡnh thành đường lối**

-Đại hội VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước bắt đầu từ đổi mới tư duy, trước hết la tư duy kinh tế. Phải tập trung đổi mới kinh tế trước hết, vớ cú đổi mới thành công về kinh tế mới tạo được điều kiện cơ bản để giữ vững ổn định chính trị - xó hội và tiến hành đổi mới hệ thống chính trị thuận lợi. Mặt khác, nếu không có đổi mới hệ thống chính trị, thờ đổi mới kinh tế sẽ gặp trở ngại . Hệ thống chính trị được đổi mới kịp thời , phù hợp sẽ là điều kiện quan trọng để thúc đẩy đổi mới và phát triển kinh tế.

-Giữ vững ổn định chính trị - xó hội là một nguyên tắc của đổi mới, không giữ được ổn định thờ khụng thể đổi mới thanh công. Trong đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở nước ta đều phải giải quyết mối quan hệ giữa ổn định và phát triển. Do đó đổi mới hệ thống chính trị cũn xuất phỏt từ nhu cầu phải đảm bảo giữ vững ổn định chính trị - xó hội.

Đặng Thu Hương -

-Phải đổi mới toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị để xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.

-Để đổi mới thành công, tất yếu phải mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế. Điều đó cũng đòi hỏi phải có một hệ thống chính trị phù hợp.

### ***b. Cuộc tranh đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị***

-Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ( năm 1991 ) khẳng định “ Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.”

-Báo cáo Chính trị tại Đại hội VII (năm 1991) chỉ rõ, thực chất của công việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị nước ta là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

-Trong đổi mới tư duy về hệ thống chính trị, vấn đề đổi mới tư duy về nhà nước có tầm quan trọng đặc biệt. Thuật ngữ “xây dựng nhà nước pháp quyền” lần đầu tiên được đề cập tại hội nghị TWII khóa VII (năm 1991). Đến hội nghị đại biểu toàn quốc giới nhiệm kỳ khóa VII (năm 1991), Đảng ta

Đặng Thu Hương -

đó khẳng định phương hướng xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đại hội VIII, XI và đại hội X của Đảng tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và làm rõ thêm nội dung của nó. Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; pháp luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội. Người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, có quyền tự do sống và làm việc theo khả năng và sở thích của mình trong phạm vi pháp luật cho phép.

-Trong đổi mới tư duy của đảng và hệ thống chính trị thể hiện ở nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò và phương thức lãnh đạo của đảng. Đảng công sản cầm quyền là đảng lãnh đạo của đảng. Đảng cộng sản cầm quyền là đảng lãnh đạo nhà nước nhưng không làn thay nhà nước, đảng quan tâm xây dựng củng cố nhà nước, phát huy vai trò của nhà nước trong quản lý, điều hành xã hội. Đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

**2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.**

**a. Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị**

**Mục tiêu:**

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội VII thông qua xác định: Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Văn kiện Đại hội VII của đảng cũng khẳng định: Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị.

### ***Quan điểm***

*Một là*, dựng khởi niệm “hệ thống chính trị” thay cho khởi niệm hệ thống chuyển chính vụ sản và khái niệm chế độ làm chủ tập thể được sử dụng trong các giai đoạn trước đây. *Hai là*, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

*Ba là*, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị không phải là hạ thấp hoặc thay đổi bản chất của nó, mà là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, có hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước; đặc biệt là phù hợp với yêu

Đặng Thu Hương -

cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

*Bốn là, đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hõnh thức và cõch làm phự hợp.*

*Năm là, đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều theo hướng tác động, thúc đẩy xã hội phát triển; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.*

### ***b. chủ trương xây dựng hệ thống chính trị***

*\*Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị*

-Trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới tổ chức và phương thức lãnh đạo của các bộ phận cấu thành hệ thống. Trong đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, vấn đề mấu chốt và cũng là khó khăn nhất là đổi mới phương thức hoạt động của Đảng, khắc phục cả hai khuynh hướng trường xảy ra trong thực tế: hoặc là Đảng bao biện, làm thay, hoặc là buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng.

-Đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn đảng, tiến hành đồng bộ đối với đổi mới các mặt của công tác xây dựng đảng, với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đồng bộ với đổi

Đặng Thu Hương -

mới kinh tế, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế và đất nước.

-Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội; đẩy nhanh phân cấp; tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

-Đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị là công việc hệ trọng, đòi hỏi phải chủ động tích cực, có quyết tâm chính trị cao, đồng thời cần cẩn trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, vừa rút ra kinh nghiệm

-Đối với phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động chính trị ở mỗi cấp, mỗi ngành vừa phải quán triệt các nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của từng cấp từng ngành.

*\*Xây dựng nhà nước trong hệ thống chính trị:*

Đại hội X của Đảng chỉ rõ:

-Xây dựng cơ chế vận hành của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đảm bảo nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước

Đặng Thu Hương -

đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp hành pháp tư pháp  
-Hoàn thiện hệ thống pháp luật,tăng tính cụ thể,khả thi của các qui định trong văn bản pháp luật. Xây dựng,hoàn thiện cơ chế kiểm tra giám sát tính hợp hiến,hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền .

-Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của quốc hội.Hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu quốc hội. Đổi mới hơn qui trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao

-Đẩy mạnh cải cách hành chính đổi mới tổ chức và hoạt động của chính phủ theo hướng xây dựng cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại.

-Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh,dân chủ,ng nghiêm minh bảo vệ công lý, quyền con người.Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm hiến pháp trong hoạt động lập pháp,hành pháp và tư pháp

-Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách



Đặng Thu Hương -

nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp.

*\*Xây dựng mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị-xó hội trong hệ thống chính trị:*

-Thực hiện tốt luật Mặt trận tổ quốc Việt Nam ,luật thanh niên.luật công đoàn...,qui chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các tổ chức chính trị-xó hội và các tầng lớp nhân dân tham gia hoạt động đảng.chính quyền và các hệ thống chính trị.

-Đổi mới hoạt động của mặt trận, các tổ chức chính trị-xó hội khắc phục tình trạng hình thức hoá,nhà nước hoá,phô trương,hình thức,nâng cao chất lượng hoạt động;làm tốt công tác dân vận theo công tác trọng dân,gần dân,hiểu dân,học dân và có trách nhiệm với dân,nghe dân nói ,nói dẫn hiểu, làm dẫn tin.

### **3.Kết quả, ý nghĩa,hạn chế và nguyên nhân**

#### **a.Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa**

-Tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta đó có nhiều đổi mới góp phần xây dựng và từng bước hoàn thiện về dân chủ xã hội chủ nghĩa,bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Dẫn chủ trong xã

Đặng Thu Hương -

hội cú bước phát triển. Trỗi độ và năng lực làm chủ của nhân dân từng bước được nâng lên.

-Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước được phân định rõ hơn, phân biệt quản lí nhà nước với quản lí sản xuất kinh doanh. Nhà nước được từng bước kiện toàn, từ cơ cấu tổ chức đến cơ chế hoạt động trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Những quan điểm của Đảng về Nhà nước đó được thể chế hoá trong Hiến pháp 1992 (Sửa đổi, bổ sung năm 2001) và trong các đạo luật cụ thể. Quản lí nhà nước bằng pháp luật tăng cường .

-Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội đó có nhiều đổi mới về tổ chức, bộ máy; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hoá các hình thức để tập hợp ngày càng đông đảo các tầng lớp nhân dân ; phát huy dân chủ; chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền; hướng mạnh hoạt động về cơ sở, bước đầu thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội.

-Đảng đó thường xuyên coi trọng xây dựng, chỉnh đốn, giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong điều kiện mới. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị , phong cách công tác có nhiều đổi mới và tiến bộ; dân chủ

Đặng Thu Hương -

trong Đảng được phát huy, quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân được củng cố.

→ Các kết quả đạt được đó khẳng định đường lối đổi mới nói chung, đường lối đổi mới hệ thống chính trị nói riêng là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn, bước đầu đáp ứng yêu cầu của tởnh hõnh mới, khắc phục dần những khuyết, nhược điểm của hệ thống chuyên chính vô sản trước đây. Kết quả đổi mới hệ thống chính trị đó giúp phần làm nờn thành tựu to lớn và cú ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới ở nước ta.

### ***b. Hạn chế và nguyên nhân***

- Năng lực và hiệu quả lónh đạo của Đảng, hiệu lực quản lí, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa ngang tầm với đũi hỏi của tởnh hõnh.

-Việc đổi mới nền hành chính quốc gia cũn rất hạn chế. Bộ mỷ hành chính cũn nhiều tầng nấc làm cho việc quản lí cốc quỏ trởnh kinh tế - xã hội chưa thật nhanh, nhậy và có hiệu quả

-Tởnh trạng quan liờu, hỏch dịch, nhũng nhiễu của một bộ phận công chức nhà nước chưa được khắc phục; kỉ cương, phép nước bị xem thường ở nhiễu nơi.

Đặng Thu Hương -

-Phương thứ tổ chức, phong cách hoạt động của mặt trận và các tổ chức chính trị xó hội vẫn chưa thoát khỏi tình trạng hành chớnh, xơ cứng. Nạn tham nhũng trong hệ thống chớnh trị, bệnh cục bộ, bản vị, địa phương cũn khổ phổ biến. Quyền làm chủ của nhõn dõn cũn bị vi phạm.

-Vai trũ giõm sốt, của Mặt trận Tổ quốc và cỏc tổ chức chớnh trị xó hội cũn yếu, chưa có cơ chế thật hợp lí để phát huy vai trũ của Mặt trận và cỏc tổ chức chớnh trị - xó hội. Phương thức lónh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị cũn chậm đổi mới, có mặt lúng túng.

→ Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nguyên nhân chủ yếu là, nhận thức về đổi mới hệ thống chính trị chưa có sự thông nhất cao, trong hoạch định và thực hiện một số chủ trương, giải pháp cũn cú sự ngập ngừng, lỳng tỳng, thiếu dứt khoỏt, khụng triết để. Đổi mới về chính trị cũn chậm trễ so với đổi mới về kinh tế.

## Chương VII

# ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

## I. QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ

### 1. Thời kỳ trước đổi mới

#### a. quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới

-Đầu năm 1943 Ban thường vụ Trung ương Đảng họp tại Vũng La(Đông Anh, Phúc Yên) đó thụng qua bản “*đề cương văn hoá Việt Nam*” do đồng chí Tổng Bí Thư Trường Chinh trực tiếp dự thảo. Đề cương xác định lĩnh vực văn hoá là một trong ba mặt trận ( kinh tế, chính trị, văn hoá) của cách mạng Việt Nam,và đề ra ba nguyên tắc của nền văn hoá mới: Dân tộc hoá ( chống lại mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa ), đại chúng hoá( chống mọi chủ trương ,hành động làm cho văn hoá phản lại hoặc xa rời quần chúng), khoa học hoá ( chống lại tất cả những gỡ làm cho văn hoá phản tiến bộ,trái khoa học ).Nền văn hoá mới Việt Nam có tính chất dân tộc về hõnh thức, dõn chủ về nội dung.

-Ngày 3-9-1945,trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng chính phủ Chủ tịch nước Hồ Chí Minh đó trởnh bày với cỗ bộ

Đặng Thu Hương -

trường 6 nhiệm vụ cấp bách của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, trong đó hai nhiệm vụ cấp bách thuộc về văn hoá. Một là *giết giặc dốt*. Hai là *phải giáo dục lại nhân dân chúng ta, làm cho dân tộc chúng ta trở lên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập*.

- Đường lối văn hoá kháng chiến gồm các nội dung: xác định mối quan hệ giữa văn hoá và cách mạng giải phóng dân tộc, cổ động văn hoá cứu quốc; xây dựng nền văn hoá dân chủ mới Việt Nam cá tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng, mà khẩu hiệu thiết thực lúc này là Dân tộc, Dân chủ (nghĩa là yêu nước và tiến bộ); tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở Đại học, Trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ; Giáo dục lại nhân dân, cổ động thực hành đời sống mới; phát triển cái hay trong văn hoá dân tộc; đồng thời bài trừ cái xấu xa huỷ bại. Ngăn ngừa sức thâm nhập của văn hoá thực dân phản động; đồng thời học cái hay, cái tốt của văn hoá thế giới.

- Đường lối xây dựng và phát triển văn hoá trong giai đoạn cách mạng xó hội chủ nghĩa được hình thành và hoàn thiện qua các Đại hội lần thứ III, IV, V của Đảng, mà điểm cốt lõi là chủ trương tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá đồng thời với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và

Đặng Thu Hương -

cách mạng khoa học - kỹ thuật; là chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hóa mới có nội dung XHCN và tính chất dân tộc, có tính Đảng và tính nhân dân.

***b. kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân***

***Kết quả và ý nghĩa***

-Đó xoá bỏ di sản văn hoá phũ kiến ,xoỏ bỏ nền văn hoá nô dịch của thực dân pháp, xây dựng nền văn hoá dân chủ mới với tính chất dân tộc, khoa hoạc, đại chúng.Hoàn thành xoá nạn mù chữ, phát triển hệ thống giáo giục, cải cách phương pháp dạy học, thực hành rộng rãi đời sống mới, bài trừ hủ tục, lạc hậu.Văn hoá cứu quốc đó động viên nhân dân tham giatic cực vao cuộc kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược.

-Trong những năm 1960-1975 miền Bắc xó hội chủ nghĩa cú sự nghiệp giáo dục,văn hoá phát triển với tộc độ cao, phỏt huy vai trũ tóch cực trong chiến đấu và sản xuất.Hoạt động văn hoá nghệ thuật cũng phát triển trên nhiều mặt với nội dung lành mạnh, đó cỗ vũ quân chýng trong chiến đấu và sản xuất ,góp phần xây dựng cuộc sống mới ,con người mới.Trởnh độ văn hoá chung của xó hội đó được nâng lên một mức đáng kể.Lối sống mới đó trở thành phổ biến người với người sống có tởnh, cú nghĩa, đoàn kết thương yêu nhau.

→Thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ không chỉ là thắng lợi của đường lối chính trị , đường lối quân sự đúng đắn mà còn là thắng lợi của chính sách văn hoá của Đảng, thắng lợi của chủ nghĩa yêu nước và nhân phẩm Việt Nam, của những giá trị tinh thần cao quý của con người Việt Nam. Cùng với độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, những thành quả về văn hoá là một thành tố của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

### ***Hạn chế và nguyên nhân***

-Công tác tư tưởng văn hoá thiếu sắc bén, thiếu tính chiến đấu. Việc xây dựng thể chế văn hoá còn chậm. Sự suy thoái về đạo đức, lối sống làm cho xã hội lo lắng. Đời sống văn học, nghệ thuật còn những mặt bất cập. Rất ụt tụt phẩm đạt đỉnh cao tương xứng với sự nghiệp cách mạng và sáng kiến vĩ đại của dân tộc.

-Chiến tranh cùng với cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp và tồm lý bõnh quõn chủ nghĩa đó làm triệt tiêu động lực phát triển văn hoá, giáo dục; kõm hóm năng lực tự do sáng tạo; một số cụng trõnh văn hoá vật thể và phi vật thể truyền thống có giá trị không được quan tâm bảo tồn, lưu giữ, thậm trí bị phá huỷ.



## **2. Trong thời kỳ đổi mới**

### **a. Quốc trởnh đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá**

-Đại hội VI (1986) xác định khoa học – kĩ thuật là một động lực to lớn đẩy mạnh quá trởnh phỏt triển kinh tế xó hội; cú vị trở then chốt trong sự nghiệp xỏy dựng chủ nghĩa xó hội.

-Cương lĩnh (được đại hội VII – 1991 thông qua) lần đầu tiên đưa ra quan niệm nền văn hoá Việt Nam có hai đặc trưng: Tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc, có hỏnh thức dẫn tộc, cú tónh Đảng và tính nhân dân.

-Đại hội VII, VIII, IX, X và nhiều Nghị quyết trung ương tiếp theo đó xỏc định văn hoá là *nền tảng tinh thần của xó hội* và coi văn hoá vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển.

- Hội nghị trung ương 9, khoá IX (tháng 1 năm 2004) xác định thêm “ phát triển văn hoá đồng bộ với phát triển kinh tế”,

-Hội nghị trung ương 10, khoá IX (tháng 7- 2004) đặt vấn đề đảm bảo sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với nhiệm vụ không ngừng nâng cao văn hoá- nền tảng tinh thần của xó hội. -Hội nghị trung ương 10, khoá IX chỉ ra phạm vi, vai trò của dẫn chủ hoỏ- xó hội hoỏ văn hoá, và của cá nhân ngày càng tăng lên và mở rộng là những thách thức mới đối với sự

Đặng Thu Hương -

lãnh đạo và quản lý công tác văn hoá của Đảng và nhà nước .

***b. Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hoá***

- -Một là, văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội.

- -Hai là, nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- -**Ba** là, nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- -**Bốn** là, xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp chung của toàn dân tộc do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

- -**Năm** là, văn hoá là mặt trận, xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

- -**Sáu** là, giáo dục - đào tạo, cùng với khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu.

***c. Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hóa:***

Một là, phát triển văn hoá gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế – xã hội.

Đặng Thu Hương -

Hai là, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ba là, bảo vệ bản sắc dân tộc, mở rộng giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Bốn là, đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Năm là, nâng cao chất lượng và hiệu quả khoa học và công nghệ

Sáu là, xây dựng và hoàn thiện các giá trị mới và nhân các con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

#### ***d. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân***

##### ***Kết quả và ý nghĩa:-***

-Trong những năm qua cơ sở vật chất, kỹ thuật của nền văn hoá mới đã bước đầu được tạo dựng; quá trình đổi mới tư duy về văn hoá, về xây dựng con người và nguồn nhân lực có bước phát triển rõ rệt, môi trường văn hoá có những chuyển biến theo hướng tích cực; hợp tác quốc tế về văn hoá được mở rộng

-Giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới. Quy mô giáo dục và đào tạo tăng ở tất cả các cấp, các bậc học. Chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông có chuyển biến, cơ sở

Đặng Thu Hương -

vật chất – kỹ thuật cho trường học trên tất cả các nước được tăng cường đáng kể. Dân trí tiếp tục được nâng cao.

-Khoa học và công nghệ có bước phát triển, phục vụ thiết thực hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội.

-Văn hoá phát triển, việc xây dựng đời sống văn hoá và nếp sống văn minh có tiến bộ ở tất cả các tỉnh thành trong cả nước.

→ Những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng văn hoá chứng tỏ đường lối và chính sách văn hoá của Đảng và nhà nước ta đã và đang phát huy tác dụng tích cực, định hướng đúng đắn cho sự phát triển đời sống văn hoá. Những thành tựu này cũng là kết quả của sự tham gia tích cực của nhân dân và nỗ lực rất lớn của các lực lượng hoạt động trên lĩnh vực văn hoá.

*Hạn chế và nguyên nhân:*

-Những thành tựu và tiến bộ đạt được trong lĩnh vực văn hoá còn chưa tương xứng và chưa vững chắc, chưa đủ để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng. Đạo đức, lối sống tiếp tục diễn biến phức tạp, có một số mặt nghiêm trọng hơn, tổn hại không nhỏ đến uy tín của Đảng và Nhà nước, niềm tin của dân.

-Sự phát triển của văn hoá chưa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, thiếu gắn bó với nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế và nhiệm vụ xây dựng Đảng. Nhiệm vụ xây dựng con người Việt nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá chưa tạo được chuyển biến rõ rệt. Môi trường văn hoá còn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, sự lan tràn của các sản phẩm và dịch vụ văn hoá mê tín dị đoan, độc hại, thấp kém, lai căng, ...sản phẩm văn hoá và các dịch vụ văn hoá ngày càng phong phú nhưng còn rất thiếu những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có ảnh hưởng tích cực và sâu sắc trong đời sống.

-Tình trạng nghèo nàn, thiếu thốn, lạc hậu về đời sống văn hoá - tinh thần ở nhiều vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng căn cứ cách mạng trước đây vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả. Khoảng cách chênh lệch về hưởng thụ văn hoá giữa các vùng miền, khu vực, tầng lớp xã hội tiếp tục mở rộng.

→ Những khuyết điểm, yếu kém nói trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, song cần nhấn mạnh các nguyên nhân chủ quan là:

Đặng Thu Hương -

- Nhận thức của Đảng về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hoá chưa thật đầy đủ. Các quan điểm chỉ đạo về phát triển văn hoá và chưa được quán triệt thực hiện nghiêm túc.

- Chưa xây dựng được cơ chế, chính sách và giải pháp phù hợp để phát triển văn hoá trong cơ chế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Một bộ phận những người hoạt động trên lĩnh vực văn hoá có biểu hiện xa rời đời sống, chạy theo chủ nghĩa thực dụng, thị hiếu thấp kém.

## **II. QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ CHỦ TRƯỞNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **1. Thời kỳ trước đổi mới**

*a. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội*

Ngay sau Cách mạng tháng 8 và trong những năm thực hiện “kháng chiến, kiến quốc”, chính sách xã hội của Đảng ta được chỉ đạo bởi tư tưởng: chúng ta giành được tự do, độc lập rồi mà dân ta cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Do đó chính sách xã hội cấp bách lúc này là làm cho dân có ăn, làm có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân được học hành. Tiếp sau đó là làm

Đặng Thu Hương -

cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm. Chủ trương này đã nhanh chóng đi vào cuộc sống và đạt được những hiệu quả thiết thực.

Trong những năm 1960 – 1985 do phải chiến đấu lâu dài, vừa làm nhiệm vụ hậu phương lớn, vừa làm nghĩa vụ quốc tế, do quan niệm cũ về chủ nghĩa xã hội, do thực hiện cơ chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp, nên chính sách xã hội mang nặng tính chất bình quân, bao cấp và dựa nhiều vào viện trợ. Cuộc khủng hoảng kinh tế – xã hội 10 năm (1976 – 1986) đã để lại nhiều dấu ấn tiêu cực đối với chính sách xã hội và đối với sự phát triển của xã hội.

### ***b. kết quả, ý nghĩa hạn chế và nguyên nhân***

#### ***kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa:***

Chính sách xã hội thời “kháng chiến, kiến quốc” 9 năm, tiếp sau đó là thời bao cấp suốt 25 năm tuy có nhiều nhược điểm và hạn chế nhưng vẫn bảo đảm được sự ổn định của xã hội trong điều kiện chiến tranh ác liệt kéo dài và còn đạt được thành tựu phát triển trên một số lĩnh vực như văn hóa, giáo dục, y tế, lối sống, đạo đức, kỷ cương và an ninh xã hội, hoàn thành nghĩa vụ của hậu phương đối với tiền tuyến lớn.

Những thành tựu nói lên bản chất tốt đẹp của chế độ mới và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong giải quyết các

Đặng Thu Hương -

vấn đề xã hội trong điều kiện chiến tranh kéo dài, kinh tế chậm phát triển.

### ***Hạn chế và nguyên nhân:***

Đã hình thành tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể trong cách giải quyết các vấn đề xã hội, chế độ phân phối trên thực tế là bình quân – công bằng không khuyến khích những đơn vị cá nhân làm tốt, làm giỏi v.v... Đã hình thành một xã hội đóng, ổn định nhưng kém năng động, chậm phát triển về nhiều mặt.

Nguyên nhân cơ bản của các hạn chế trên là chúng ta đặt chưa đúng tâm chính sách xã hội trong quan hệ với chính sách thuộc các lĩnh vực khác, đồng thời lại áp dụng và duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.

## ***2. Trong thời kỳ đổi mới***

*a. Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội*

-Tại Đại hội VI, lần đầu tiên Đảng ta nâng các vấn đề xã hội lên tầm chính sách ở các lĩnh vực khác. Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của của sống con người. Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt



Đặng Thu Hương -

động kinh tế chính sách xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm...Do đó cần có chính sách xã hội cơ bản lâu dài phù hợp với yêu cầu khả năng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế ở chỗ đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người. Phát triển kinh tế là cơ sở là tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, đồng thời thực hiện tốt các chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

-Đại hội VIII chủ trương hệ thống chính sách xã hội phải được hoạch định theo những quan điểm sau đây:

*Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.*

*Thực hiện nhiều hình thức phân phối*

*Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo.*

*Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hoá*

-Đại hội IX chủ trương chính sách xã hội phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

-Đại hội X chủ trương phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương.

-Trong điều kiện Việt Nam gia nhập WTO, hội nhập sâu rộng hơn vào hệ thống kinh tế quốc tế, Hội nghị Trung ương 4, khoá X( tháng 1 – 2007) nhấn mạnh phải giải quyết tốt các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình thực thi các cam kết với WTO. Xây dựng cơ chế đánh giá và cảnh báo định kỳ về tác động của việc gia nhập WTO đối với lĩnh vực xã hội để có biện pháp xử lý chủ động, đúng đắn, kịp thời.

### ***b. Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội***

Một là, kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội

Hai là, xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội cho từng chính sách phát triển.

Đặng Thu Hương -

Ba là, chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.

Bốn là, coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển phải là vì con người(HDI), và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

### ***c. Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội***

Một là, khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xoá đói giảm nghèo.

Hai là, bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

Ba là, phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả

Bốn là, xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ và cải thiện giống nòi.

Năm là, thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình

Sáu là, chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội

Bảy là, đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng

### ***d. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân***

*Kết quả và ý nghĩa*

“Từ tâm lý thụ động, ý lại vào nhà nước và tập thể, trông chờ viện trợ đã chuyển sang tính năng động, chủ động và tích cực xã hội của tất cả các tầng lớp dân cư.

Đã từng bước chuyển sang thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp các nguồn lực khác nhau vào sản xuất – kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Nhờ vậy, công bằng xã hội được thể hiện ngày một rõ hơn.

Đã đi đến thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, xem trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, đồng thời thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế. Tăng trưởng kinh tế đối với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

Đã dần dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm.

Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hoá giàu – nghèo đã đi khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói giảm nghèo, coi việc có một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển.

Quan niệm cần thiết xây dựng một cộng đồng xã hội đa dạng, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đều có

Đặng Thu Hương -

nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh.

Qua 20 năm đổi mới, lĩnh vực phát triển xã hội đã đạt nhiều thành tựu. Tính năng động xã hội khác hẳn với thời bao cấp. Một xã hội mở đang dần dần được hình thành với những con người không chờ bao cấp, dám nghĩ, dám chịu trách nhiệm rủi ro, không chấp nhận đói nghèo, lạc hậu, biết làm giàu, biết cạnh tranh và hành động vì cộng đồng, vì tổ quốc. Cách thức quản lý xã hội dân chủ, cởi mở hơn, đề cao pháp luật hơn.

Đã coi phát triển giáo dục - đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo điều kiện để ai cũng được học hành; có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo”.

### *Hạn chế và nguyên nhân*

Gia tăng dân số vẫn còn lớn. Chất lượng dân số còn thấp .

Sự phân hoá giàu – nghèo và bất công xã hội tiếp tục gia tăng đáng lo ngại.

Tệ nạn xã hội gia tăng và diễn biến phức tạp, gây thiệt hại lớn về kinh tế và an sinh xã hội.

Môi trường sinh thái bị ô nhiễm tiếp tục tăng thêm; tài nguyên bị khai thác bừa bãi và tàn phá.

Hệ thống giáo dục, y tế lạc hậu, xuống cấp, có nhiều bất cập; an sinh xã hội chưa được bảo đảm.

## **Chương VIII**

### **đường lối đối ngoại**

#### **I. đường lối đối ngoại thời kì trước đổi mới (1975 - 1985)**

##### **1. Hoàn cảnh lịch sử**

###### **a. Tình hình thế giới.**

Từ thập kỷ 70, thế kỷ XX, sự tiến bộ nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ trên thế giới đã thúc đẩy lực lượng sản xuất thế giới phát triển mạnh; Nhật Bản và Tây Âu vươn lên trở thành hai trung tâm lớn của kinh tế thế giới; xu thế chạy đua phát triển kinh tế đã dẫn đến cục diện hoà hoãn giữa các nước lớn.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa đã mở rộng phạm vi, phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh. Tuy nhiên, đến giữa thập kỷ 70, tình hình kinh tế – xã hội ở các nước xã hội

Đặng Thu Hương -

chủ nghĩa xuất hiện sự trì trệ và mất ổn định. Trong các nước xã hội chủ nghĩa xuất hiện mâu thuẫn, bất đồng.

Tình hình khu vực Đông – Nam á cũng có những chuyển biến mới. Sau năm 1975, Mỹ rút quân khỏi Đông Nam á lục địa; khối quân sự SEATO tan rã; ngày 24 – 02 – 1976, các nước ASEAN ký Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam á (gọi tắt là Hiệp ước Bali), mở ra cục diện hoà bình, hợp tác trong khu vực.

*b. Tình hình trong nước.*

*Thuận lợi:* Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hoà bình, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với khí thế của một dân tộc vừa dành thắng lợi vĩ đại.

*Khó khăn:* trong khi nước ta đang tập trung khắc phục hậu quả nặng nề của ba mươi năm chiến tranh, lại xảy ra chiến tranh Tây Nam và biên giới phía Bắc. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch sử dụng những thủ đoạn thâm độc phá hoại nước ta. Mặt khác, do tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội trong thời gian ngắn đã dẫn đến những khó khăn về kinh tế – xã hội.

## **2. Chủ trương đối ngoại của Đảng**

-Đại hội IV chủ trương củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt

Đặng Thu Hương -

Nam – Lào – Campuchia; sẵn sàng thiết lập, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực; thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa Việt Nam với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

-Từ giữa năm 1978, đảng ta đã điều chỉnh một số chủ trương, chính sách đối ngoại như: chú trọng củng cố, tăng cường hợp tác về mọi mặt với Liên Xô - coi quan hệ với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại Việt Nam; nhấn mạnh yêu cầu ra sức bảo vệ mối quan hệ đặc biệt Việt – Lào trong bối cảnh vấn đề Campuchia đang diễn ra phức tạp; chủ trương góp phần xây dựng khu vực Đông Nam á hoà bình, tự do, tập trung và ổn định; đề ra yêu cầu mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

-Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (3-1982), Đảng xác định: công tác đối ngoại phải trở thành một mặt trận chủ động, tích cực đấu tranh nhằm làm thất bại chính sách của các thế lực hiếu chiến đang âm mưu toan chống phá cách mạng nước ta.

-Về quan hệ với các nước, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh *đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô* là nguyên tắc, là chiến lược và luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam; xác định quan hệ đặc biệt *Việt Nam –*



*Lào – Campuchia có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của ba dân tộc; kêu gọi các nước ASEAN hãy cùng các nước Đông Dương đối ngoại và thương lượng để giải quyết trở ngại giữa hai bên, nhằm xây dựng Đông Nam á thành khu vực hoà bình và ổn định; chủ trương khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình; chủ trương thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt Nhà nước, về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị, xã hội trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.*

### **3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.**

#### *a. Kết quả và ý nghĩa*

Trong 10 năm đổi mới, quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa được tăng cường, trong đó đặc biệt với Liên Xô. Ngày 29-6-1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (khối SEV). Viện trợ hàng năm và kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam và Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong khối SEV đều tăng (riêng ngoại thương chiếm 70 đến 80% kim ngạch buôn bán của Việt Nam). Ngày 31-11-1978, Việt Nam ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô.

Thực hiện chủ trương mở rộng quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế, từ năm 1975 đến 1977, nước ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 23 nước; ngày 15-9-1976, Việt Nam tiếp nhận ghế thành viên chính thức Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF); ngày 21-9-1976, tiếp nhận ghế thành viên chính thức Ngân hàng thế giới (WB), ngày 23-9-1976, gia nhập ngân hàng phát triển châu á (adb); ngày 20-9-1977, tiếp nhận ghế thành viên tại Liên hiệp quốc; tham gia tích cực các hoạt động trong phong trào Không liên kết... Kể từ năm 1977, một số nước tư bản mở quan hệ hợp tác kinh tế với Việt Nam.

Với các nước khác thuộc Đông Nam á, cuối năm 1976, Philippin và Thái Lan là nước cuối cùng trong tổ chức ASEAN thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam (tuy nhiên, từ năm 1979, lấy cớ sự kiện Campuchia, các nước ASEAN tham gia liên minh thực hiện bao vây, cô lập Việt Nam).

→ Những kết quả đối ngoại trên đây có ý nghĩa rất quan trọng đối với cách mạng Việt Nam. *Việt Nam đã tranh thủ được nguồn viện trợ đáng kể góp phần vào việc khôi phục đất nước sau chiến tranh*; việc trở thành thành viên chính thức của Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu á và việc trở thành thành viên chính

thức của Liên hợp quốc, tham gia tích cực vào các hoạt động của phong trào Không liên kết, đã tranh thủ được sự ủng hộ hợp tác của các nước, các tổ chức quốc tế, đồng thời phát huy được vai trò của nước ta trên trường quốc tế. Việc thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước còn lại trong tổ chức ASEAN đã tạo thuận lợi cho việc khai thác các hoạt động đối ngoại trong giai đoạn sau nhằm xây dựng Đông Nam á thành khu vực hoà bình, hữu nghị và hợp tác.

*b. Hạn chế và nguyên nhân.*

Bên cạnh những kết quả nêu trên, nhìn tổng quát, từ năm 1975 đến 1986, quan hệ quốc tế của Việt Nam cũng gặp trở ngại lớn. Từ những năm cuối thập kỷ 70, nước ta bị bao vây, cấm vận về kinh tế, bị cô lập về chính trị, vừa phải đương đầu với “một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt” của các thế lực thù địch.

Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trên là do quan hệ đối ngoại giai đoạn này, chúng ta chưa nắm được xu thế quốc tế chuyển từ đối đầu sang hoà hoãn và chạy đua kinh tế. Do đó đã không tranh thủ được các nhân tố thuận lợi trong quan hệ quốc tế phục vụ cho công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh; không kịp thời đổi mới quan hệ đối ngoại cho phù hợp với tình hình.

## **II. đường lối ngoại giao, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới**

### **1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối**

#### **a. Hoàn cảnh lịch sử**

*Tình hình thế giới từ giữa thập kỷ 80, thế kỷ XX*

-Từ giữa thập kỷ 80, cuộc cách mạng khoa học công nghệ (đặc biệt là công nghệ thông tin) tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống của các quốc gia, dân tộc.

-Các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng sâu sắc. Đến đầu thập kỷ 90, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô bị sụp đổ, dẫn đến những biến đổi to lớn về quan hệ quốc tế. Trật tự thế giới được hình thành từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai trên cơ sở hai khối đối lập do Liên Xô và Hoa Kỳ đứng đầu (trật tự thế giới hai cực) tan rã, mở ra thời kỳ hình thành một trật tự thế giới mới.

-Trong thời kỳ này, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột, tranh chấp ... vẫn còn, nhưng xu thế chung của thế giới là hoà bình, hợp tác và phát triển.

+*Xu thế toàn cầu hoá và tác động của nó*: Dưới góc độ kinh tế, toàn cầu hoá là quá trình lực lượng sản xuất và quan hệ kinh tế quốc tế phát triển vượt qua các rào cản bởi biên giới quốc gia và khu vực, lan tỏa ra phạm vi toàn cầu, trong

Đặng Thu Hương -

đó hàng hoá, vốn, tiền tệ, thông tin, lao động... vận động thông thoáng; sự phân công lao động mang tính quốc tế; quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, khu vực đan xen nhau, hình thành mạng lưới quan hệ đa chiều, vận hành theo các luật lệ chung hình thành qua hợp tác và đấu tranh giữa các thành viên của cộng đồng quốc tế.

Những tác động tích cực của toàn cầu hoá là, trên cơ sở thị trường được mở rộng, trao đổi hàng hoá tăng mạnh đã thúc đẩy phát triển sản xuất của các nước; nguồn vốn, khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lý cùng với các hình thức đầu tư, hợp tác khác mang lại lợi ích cho các bên tham gia hợp tác. Mặt khác, toàn cầu hoá làm tăng tính tuỳ thuộc lẫn nhau, nâng cao sự hiểu biết giữa các quốc gia, thuận lợi cho việc xây dựng môi trường hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước.

Những tác động tiêu cực của toàn cầu hoá là, xuất phát từ việc các nước công nghiệp phát triển thao túng, chi phối quá trình toàn cầu hoá tạo nên sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế và làm gia tăng sự phân cực giữa nước giàu và nước nghèo. Đại hội Đảng lần thứ IX chỉ rõ: “Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều

Đặng Thu Hương -

mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh”.

+*Khu vực châu á - Thái Bình Dương*, từ thập kỷ 90, tình hình khu vực có những chuyển biến mới: *Trước hết*, trong khu vực tuy vẫn còn tồn tại những bất ổn, những vấn đề hạt nhân, vấn đề tranh chấp lãnh hải thuộc vùng biển Đông và việc các nước trong khu vực tăng cường vũ trang, nhưng châu á - Thái Bình Dương vẫn được đánh giá là khu vực ổn định; *hai là*, châu á - Thái Bình Dương có tiềm lực lớn và năng động về phát triển kinh tế. Xu thế hoà bình và hợp tác trong khu vực phát triển mạnh.

→*Yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.*

Phải giải toả tình trạng đối đầu, thù địch, phá thế bị bao vây, cấm vận, tiến tới bình thường hoá và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, tạo môi trường quốc tế thuận lợi để tập trung xây dựng kinh tế là nhu cầu cần thiết và cấp bách đối với nước ta.

Chống tụt hậu về kinh tế. Để thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nước ta với các quốc gia khác, ngoài việc phát huy tối đa các nguồn lực trong nước, cần phải tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, trong đó việc hợp tác kinh tế với các nước và tham gia vào cơ chế hợp tác đa phương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

*b. Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối*

Giai đoạn 1986-1996: Xác lập và phát triển đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986), trên cơ sở nhận thức đặc điểm nổi bật của thế giới là cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, đẩy nhanh quá trình quốc tế hoá lực lượng sản xuất. Từ đó, *Đảng chủ trương phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại* trong điều kiện mới và đề ra yêu cầu mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, tham gia sự phân công lao động quốc tế, tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học – kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

Tháng 12 năm 1987, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành. Đây là lần đầu tiên Nhà nước ta tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam – mở cửa để thu hút nguồn vốn, thiết bị và kinh nghiệm của tư bản nước ngoài cho công cuộc xây dựng đất nước.

Tháng 5 – 1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 13 về *nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới*, khẳng định lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là phải *củng cố và giữ vững hoà bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế*.

Trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại, từ năm 1989, Đảng chủ trương xoá bỏ tình trạng độc quyền mang tính chất cửa quyền trong sản xuất và trong kinh doanh xuất nhập khẩu. So với chủ trương của Đại hội V “nhà nước độc quyền ngoại thương và Trung ương thống nhất công tác quản lý ngoại thương”<sup>xix</sup>, thì đây là bước đổi mới đầu tiên trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

Tại Đại hội lần thứ VII (6-1991), Đảng khẳng định chủ trương “hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị – xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình”, với phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VII (6-1992) nhấn mạnh yêu cầu đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào nội bộ của



nhau, bình đẳng, cùng có lợi; bảo vệ, phát triển kinh tế, giữ gìn và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hoá dân tộc. Mở rộng cửa để tiếp thu vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài, tiếp cận thị trường thế giới, trên cơ sở đảm bảo an ninh quốc gia, bảo vệ tài nguyên, môi trường, hạn chế đến mức tối thiểu những tiêu cực phát sinh trong quá trình mở cửa.

Giai đoạn 1996-2008: Bổ xung và hoàn chỉnh đường lối đối ngoại theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Tại Đại hội lần thứ VIII (6-1996), Đảng ta khẳng định tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt với các nước, các trung tâm kinh tế, chính trị khu vực và quốc tế. Đồng thời chủ trương “xây dựng nền kinh tế mở” và “đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới”.

Đại hội VIII xác định rõ hơn quan điểm đối ngoại với các nhóm đối tác như: ra sức tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN; không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống; coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế – chính trị thế giới; đoàn kết với các nước đang phát triển, với phong trào không liên kết; tham gia tích cực và

Đặng Thu Hương -

đóng góp cho hoạt động của các tổ chức quốc tế, các diễn đàn quốc tế.

Cụ thể hoá quan điểm của Đại hội VIII, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương, khoá VIII (12-1997), chỉ rõ: trên cơ sở phát huy nội lực, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài. Nghị quyết đề ra chủ trương tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán Hiệp định Thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO. Có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện cam kết trong khuôn khổ AFTA.

Tại Đại hội lần thứ IX (4-2001), Đảng nhấn mạnh chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực. Lần đầu tiên, Đảng nêu rõ quan điểm về *xây dựng kinh tế độc lập tự chủ*: “Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp phát triển đất nước”<sup>xx</sup>.

Tháng 11-2001, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 07 về hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết đề ra 9 nhiệm vụ cụ thể và 6 biện pháp tổ chức thực hiện quá trình hội nhập kinh tế

Đặng Thu Hương -

quốc tế. Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá IX (5-1-2004) nhấn mạnh yêu cầu chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO); kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện của mọi lợi ích cục bộ làm kìm hãm tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tại Đại hội lần thứ X (4-2006), Đảng nêu quan điểm: thực hiện nhất quán đường đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại mở rộng, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Đồng thời đề ra chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”.

+ *Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế* là hoàn toàn chủ động quyết định đường lối, chính sách phát triển kinh tế – xã hội nói chung, chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng, không được để rơi vào thế bị động; hội nhập kinh tế quốc tế một cách sáng tạo, phân tích lựa chọn phương thức hành động đúng, dự báo được những tình huống thuận lợi và khó khăn khi hội nhập kinh tế quốc tế.

+ *Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế* là khẩn trương chuẩn bị, điều chỉnh, đổi mới từ bên trong, từ phương thức lãnh đạo, quản lý đến hoạt động thực tiễn; từ trung ương đến địa phương, doanh nghiệp; khẩn trương xây dựng lộ

Đặng Thu Hương -

trình, kế hoạch, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế; tích cực, nhưng phải thận trọng, vững chắc.

+ *Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế* phải là ý chí, quyết tâm của Đảng, Nhà nước, toàn dân, của mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và toàn xã hội.

## **2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế**

### **a. Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo**

Về cơ hội: Xu thế hoà bình, hợp tác phát triển và xu thế toàn cầu hoá kinh tế tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng hoạt động đối ngoại, hợp tác phát triển kinh tế.

Mặt khác, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đã nâng cao uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế, tạo tiền đề mới cho quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.

Về thách thức: Những vấn đề toàn cầu như phân hoá giàu nghèo, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia... gây tác động bất lợi đối với nước ta.

Nền kinh tế Việt Nam phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt trên cả ba cấp độ: sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia; những biến động trên thị trường quốc tế sẽ tác động nhanh

Đặng Thu Hương -

và mạnh hơn đến thị trường trong nước, tiềm ẩn nguy cơ gây rối loạn kinh tế – tài chính.

*Mục tiêu đối ngoại:*

Lấy việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế – xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ Quốc. Mở rộng đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế là để tạo thêm nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; kết hợp nội lực với các nguồn lực từ bên ngoài tạo thành nguồn lực tổng hợp để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; phát huy vai trò và nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ khu vực và quốc tế.

*Nhiệm vụ đối ngoại:*

Giữ vững môi trường hoà bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

*Tư tưởng chỉ đạo:*

Trong quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế phải quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm:

1. Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của Việt Nam.
2. Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại.
3. Nắm vững hai mặt *hợp tác* và *đấu tranh* trong quan hệ quốc tế; cố gắng thúc đẩy mặt hợp tác, nhưng vẫn phải đấu tranh dưới hình thức và mức độ thích hợp với từng đối tác; đấu tranh để hợp tác; tránh trực diện đối đầu, tránh bị đẩy vào thế cô lập.
4. Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị xã hội. coi trọng quan hệ hoà bình, hợp tác với khu vực; chủ động tham gia các tổ chức đa phương, khu vực và toàn cầu.
5. Kết hợp đối ngoại của đảng, đối ngoại nhà nước và đối ngoại nhân dân. xác định hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân.
6. Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế – xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

7. Phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ; tạo ra và sử dụng có hiệu quả các lợi thế so sánh của đất nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
  8. Trên cơ sở thực hiện các cam kết gia nhập WTO, đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế, cơ chế, chính sách kinh tế phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.
  9. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- b. một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế:*
- Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp.
  - Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của WTO

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước
- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế
- Giải quyết tốt các vấn đề văn hoá, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập Xây dựng và vận hành có hiệu quả mạng lưới an sinh xã hội.
- Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập
- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại tạo cơ chế phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân
- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.

### **3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

#### **a. Thành tựu và ý nghĩa**



Đặng Thu Hương -

*Một là*, phá thế bị bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

*Hai là*, giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan.

*Ba là*, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá.

*Bốn là*: tham gia các tổ chức kinh tế thế giới

*Năm là*, thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng trong quản lý

*Sáu là*, từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh.

➔ Những kết quả trên đây có ý nghĩa rất quan trọng: đã tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài, kết hợp với nội lực hình thành sức mạnh tổng hợp góp phần đưa đến những thành tựu kinh tế to lớn, nhờ đó giữ vững và củng cố độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa, an ninh quốc gia và bản sắc văn hoá dân tộc. Nâng cao vị thế và phát huy vai trò nước ta trên trường quốc tế.

#### *b. Hạn chế và nguyên nhân*

Trong quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn, chúng ta còn lúng túng, bị động. Chưa xây dựng được quan hệ lợi ích đan xen, tùy thuộc lẫn nhau với các nước.

Một số chủ trương, cơ chế, chính sách chậm được đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế, hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh, không đồng bộ gây khó khăn trong công việc thực hiện các cam kết của các tổ chức kinh tế quốc tế.

Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết.

Doanh nghiệp nước ta hầu hết quy mô nhỏ, yếu kém cả về quản lý và công nghệ; trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, trình độ trang thiết bị lạc hậu, kết cấu hạ tầng và các ngành dịch vụ cơ bản phục vụ sản xuất kinh doanh đều kém phát triển và có chi phí cao hơn các nước khác trong khu vực.

Đội ngũ cán bộ lĩnh vực đối ngoại nhìn chung chưa đáp ứng được nhu cầu cả về số lượng và chất lượng, cán bộ doanh nghiệp ít hiểu biết về luật pháp quốc tế, về kỹ thuật kinh doanh, công tác tổ chức chỉ đạo chưa sát và chưa kịp thời.





- <sup>i</sup> Hồ Chí Minh, toàn tập, t8, NXB, Chính trị quốc gia, H.2002, tra 562
- <sup>ii</sup> Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, Toàn tập, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, H. 1998, tr39.
- <sup>iii</sup> Hồ Chí Minh, Toàn tập. tập 1. NXB chính trị Quốc gia. H, 1995, Tr 22-23
- <sup>iv</sup> Lê Duẩn: Dưới lá cờ vàng của Đảng và dđppck ;aa[k. tuk dp và cjr mgjoax xã jppok. toeems ;êm goàm mwjmgx tjawmgs ;puok ,puos. NXB Sự thật, H.1970, tr 21-22
- <sup>v</sup> Lê Duẩn: Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập, tự do vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới, NXB Sự thật, H.1970, tr 27.
- <sup>vi</sup> Đảng cộng sản Việt Nam: văn kiện Đảng, Toàn tập, tập 1, NXB chính trị quốc gia, H. 1998, tr 39.
- <sup>vii</sup> Hồ Chí Minh , Toàn tập, t2, NXB chính trị quốc gia, H.1995, tr 262-266
- <sup>viii</sup> Hồ Chí Minh , Toàn tập, t2, NXB chính trị quốc gia, H.2002, tr301
- <sup>ix</sup> Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, Toàn tập, tập 1, Nxb chính trị quốc gia H.1998, tr359
- <sup>x</sup> Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, Toàn tập, tập 2 Nxb chính trị quốc gia H.1998, tr 10
- <sup>xi</sup> Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, Toàn tập, tập 2 Nxb chính trị quốc gia H.1998, tr 1
- <sup>xii</sup> Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng lao động Việt Nam ngày 10-9-1960, về Ngày thành lập Đảng, đã quyết nghị lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch mỗi năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng (Đảng cộng sản Việt Nam : Văn kiện Đảng, toàn tập, t 21, NXB chính trị quốc gia, H.2002, Trung ương 904)
- <sup>xiii</sup> Đảng cộng sản Việt Nam : Văn kiện Đảng, toàn tập, t2, NXB chính trị quốc gia, H.1998. tr2
- <sup>xiv</sup> Đảng cộng sản Việt Nam : Văn kiện Đảng, toàn tập, NXB chính trị quốc gia, H.1998, tập 2, tr93.94
- <sup>xv</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, Toàn tập, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 6, tr152
- <sup>xvi</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, Toàn tập, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2000, tập 7, tr.131-132
- <sup>xvii</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 3, tr.554
- <sup>xviii</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành trung ương, Ban chỉ đạo tổng kết lý luận. Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006) Lưu hành nội bộ, Nxb Chính trị Quốc gia, H.2005, tr67
- <sup>xix</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội .1992, tr70
- <sup>xx</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001, tr 25-26